

KINH 209. LỤC XÚC NHẬP XỨ⁸⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly⁹⁰. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có sáu xúc nhập xứ. Những gì là sáu? Đó là, nhãn xúc nhập xứ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sáu xúc nhập xứ này mà không biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly, thì biết rằng Sa-môn, Bà-la-môn này cách xa pháp, luật của Ta như trời và đất.”

Lúc ấy, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục đánh lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

“Con có đầy đủ tri kiến như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly của sáu nhập xứ này.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Bây giờ, Ta hỏi ngươi, hãy theo câu hỏi của Ta mà trả lời. Nay Tỳ-kheo, ngươi có thấy nhãn xúc nhập xứ là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Đối với nhãn xúc nhập xứ này là chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, người nào thấy, biết như thật, thì sẽ không khởi lên các lậu hoặc, tâm sẽ không nhiễm đắm, tâm được giải thoát. Đó gọi là xúc nhập xứ đầu tiên đã đoạn trừ, đã biết rõ, đã đoạn trừ cội gốc của nó như chặt ngọn cây đa-la, đối với pháp vị lai, nhãn thức và sắc vĩnh viễn không khởi lên lại.

“Ngươi có thấy tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ là ngã, khác ngã, ở trong nhau không?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

⁸⁹. Pāli, S. 35. 71-73. Chaphassāyatanikā (Sáu xúc xứ).

⁹⁰. Xem cht.69, kinh 203.

“Lành thay! Lành thay! Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ, chẳng phải là ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, người nào biết, thấy như thật như vậy, thì sẽ không khởi lên các lậu hoặc, tâm không đắm nhiễm, tâm đạt được giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo đối với sáu xúc nhập xứ, đã đoạn trừ được, đã biết rõ, đã đoạn trừ được cội gốc này như chặt ngọn cây đa-la, ý thức và pháp sẽ không còn sanh trở lại ở đời vị lai nữa.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 210. ĐỊA NGỤC⁹¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thày thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly⁹². Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chớ lạc, chớ khổ⁹³. Vì sao? Có địa ngục gọi là Sáu xúc nhập xứ⁹⁴. Chúng sanh sanh ở trong địa ngục này, mắt chỉ thấy sắc không đáng ưa, chứ không thấy sắc đáng ưa; chỉ thấy sắc không đáng tưởng nhớ, chứ không thấy sắc đáng được tưởng nhớ; chỉ thấy sắc không lành, chứ không thấy sắc lành. Vì những nhân duyên này nên chỉ một mực nhận lãnh buồn khổ mà thôi. Tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý thức đối pháp cũng chỉ thấy không đáng yêu, chứ không thấy đáng yêu; chỉ thấy việc không đáng nhớ, chứ không thấy đáng nhớ; chỉ thấy pháp không lành, chứ không thấy pháp lành. Vì những nguyên nhân này nên luôn luôn phải chịu buồn khổ.

⁹¹. Pāli, S. 35. 135. Saṅgayha (Chap trước).

⁹². Xem cht.69, kinh 203.

⁹³. Pāli: labhā vo, bhikkhave, suladdham vo, bhikkhave, khaṇo vo paṭiladdho brahmačariyavāsāya, các Tỳ-kheo, đây là điều lợi đặc của các ngươi; đây là điều thiện lợi của các ngươi. Các Tỳ-kheo, các ngươi có cơ hội để sống cuộc đời phạm hạnh.

⁹⁴. Lục xúc nhập xứ, 六觸入處, tên gọi một địa ngục. Pāli: ditṭhā mayā bhikkhave chaphassāyatanikā nāma nirayā. Nay các Tỳ-kheo, Ta thấy có địa ngục tên là Sáu xúc xứ.

“Này các Tỳ-kheo, có cõi trời gọi là Sáu xúc nhập xứ⁹⁵. Chúng sanh sanh vào nơi này, mắt chỉ thấy sắc đáng yêu, chứ không thấy sắc không đáng yêu; chỉ thấy sắc đáng nhớ, chứ không thấy sắc không đáng nhớ; chỉ thấy sắc lành, chứ không thấy sắc không lành. Vì những nguyên nhân này, nên luôn luôn chỉ cảm nhận vui thích mà thôi. Và tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý thức đối với pháp là đáng yêu, chứ không phải không đáng yêu; là đáng nhớ, chứ không phải không đáng nhớ; là lành, chứ không phải là không lành.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 211. THẾ GIAN NGŨ DỤC⁹⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thày thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly⁹⁷. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Xưa kia, khi Ta chưa thành Chánh giác, ở một mình nơi thanh vắng, thiền định tư duy, quán sát xem tự tâm phần nhiều hướng đến nơi nào? Tự tâm phần nhiều chạy theo năm công đức của dục quá khứ, phần ít chạy theo năm công đức của dục hiện tại, lại càng rất ít chạy theo đời vị lai. Khi Ta quán sát thấy tâm phần nhiều chạy theo năm dục quá khứ, bèn nỗ lực tìm phương tiện, tinh cần tự giữ gìn, không để chạy theo năm công đức của dục quá khứ nữa.

“Do tinh cần tự giữ, nên Ta dần dần tiếp cận được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác⁹⁸.

“Này các Tỳ-kheo, các ông cũng phần nhiều chạy theo năm công đức của dục quá khứ, còn đối với hiện tại, vị lai thì lại cũng rất ít. Hiện tại, các ông cũng nên vì tâm phần nhiều chạy theo năm công đức của dục quá khứ đó, tăng cường tự phòng hộ, không bao lâu cũng

^{95.} Pāli: chaphassāyatanikā nāma saggā.

^{96.} Pāli, S. 35. 117. Lokakāmaguṇa.

^{97.} Xem cht.69, kinh 203.

^{98.} Trong nguyên bản, a-nāu-da-la tam-miệu-tam-bồ-dề, 阿 耶 多 羅 三 萍 三 菩 提 .

sẽ chứng đắc lâu tận, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

Vì sao? Vì mắt thấy sắc làm nhân duyên sanh ra nội cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với pháp làm nhân duyên sanh ra nội cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Chò nên, các Tỳ-kheo, đối với những nhập xứ này cần phải giác tri⁹⁹, khi mắt kia diệt, sắc tưởng sẽ lìa¹⁰⁰; tai, mũi, lưỡi, thân, ý diệt thì pháp tưởng sẽ lìa.”

Phật nói cần phải nhận biết sáu nhập xứ rồi, liền vào thất tọa thiền.

Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo, sau khi Đức Thế Tôn đi rồi, bàn luận như vậy:

“Thế Tôn đã vì chúng ta nói gọn pháp yếu, nhưng không phân tích đầy đủ mà đã vào thất tọa thiền. Thế Tôn bảo rằng: ‘Sáu nhập xứ cần phải giác tri; khi mắt kia diệt thì sắc tưởng sẽ lìa; tai, mũi, lưỡi, thân, ý diệt thì pháp tưởng sẽ lìa.’

“Hiện tại, đối với pháp do Đức Thế Tôn đã nói gọn, chúng ta vẫn còn chưa hiểu. Nay ở trong chúng này, ai là người có trí tuệ có thể vì chúng ta, đối với pháp đã được Đức Thế Tôn nói gọn đó, mà vì chúng ta diễn nói đầy đủ nghĩa của nó?

“Họ lại nghĩ: ‘Chỉ có Tôn giả A-nan, luôn luôn hầu Đức Thế Tôn, thường được Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí khen ngợi. Chỉ có Tôn giả A-nan mới có thể vì chúng ta diễn nói lại nghĩa pháp đã được Đức Thế Tôn nói gọn đó. Nay, chúng ta cùng nhau đến chỗ Tôn giả A-nan hỏi về ý nghĩa quan trọng của chúng và theo những gì Tôn giả A-nan nói tất cả chúng ta sẽ phụng hành.’”

Bấy giờ, số đông chúng Tỳ-kheo, đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Tôn giả, nên biết cho, Đức Thế Tôn vì chúng tôi đã nói gọn

⁹⁹. Pāli: se āyatane veditabbe, các xứ này cần được biết rõ.

¹⁰⁰. Pāli: cakkhu ca nirujjhati, rūpasaññā ca nirujjhati, mắt bị diệt và sắc tưởng bị diệt.

pháp yếu, (*chi tiết như đã nói ở trên*), xin Tôn giả vì chúng tôi nói đầy đủ nghĩa của chúng.”

Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các thầy mà nói về pháp đã được Đức Thế Tôn nói gọn một cách đầy đủ nghĩa của chúng. Đức Thế Tôn đã nói tóm gọn chỉ cho việc diệt sáu nhập xứ, còn những điều khác sẽ nói là nhãn xứ diệt thì sắc tưởng sẽ lìa; và tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhập xứ diệt, thì pháp tưởng sẽ lìa. Đức Thế Tôn nói gọn pháp này xong vào thất thiền định. Nay tôi đã vì các ông phân tích nghĩa này.”

Tôn giả A-nan nói nghĩa này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả đã nói, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 212. BẤT PHÓNG DẬT¹⁰¹

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta không vì tất cả các Tỳ-kheo mà nói hành không buông lung¹⁰², cũng chẳng phải không vì tất cả các Tỳ-kheo mà nói hành không buông lung.

“Ta không nhắm đến những hạng Tỳ-kheo nào để nói hành không buông lung? Nếu Tỳ-kheo đã chứng đắc A-la-hán, đã diệt tận các lậu, đã rời bỏ các gánh nặng, đã đạt được mục đích của mình, đã tận trừ các kết sử hữu¹⁰³, tâm chánh giải thoát; đối với hạng Tỳ-kheo như vậy, Ta không vì họ nói hạnh không buông lung. Vì sao? Vì các hàng Tỳ-kheo này đã hành không buông lung, nên không thể nào hành buông lung nữa. Nay Ta thấy các Tôn giả kia đã đạt được quả không buông lung, cho nên không phải vì họ mà nói hành không buông lung.

¹⁰¹. Không buông lung. Pāli, S. 35. 134. Devadahakhaṇa.

¹⁰². Pāli: nāham, bhikkhave, sabbesamyeva bhikkhūnam chasu phassāyatanesu appamādena karāṇiyanti vadāmi, các Tỳ-kheo, Ta không nói rằng hết thảy các Tỳ-kheo cần phải thực hành không buông lung nơi sáu xúc xứ.

¹⁰³. Hán: hữu kết, 有結, chỉ các phiền não dẫn đến tái sanh. Pāli: bhavasamyojana.

“Vì những hàng Tỳ-kheo nào mà nói hành không buông lung? Đó là hàng Tỳ-kheo còn ở học địa, tâm, ý chưa được tăng thượng an ổn, hướng đến an trụ Niết-bàn. Đối với những hàng Tỳ-kheo như vậy, Ta vì họ mà nói hành không buông lung. Vì sao? Vì hàng Tỳ-kheo này đang tập học các căn, tâm còn ái lạc theo các phương tiện sinh sống, gần gũi bạn lành, chẳng bao lâu các lậu được đoạn trừ, được vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; ngay trong hiện tại tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Vì sao? Vì kia, sau khi thấy sắc đáng được yêu thích và đắm trước được nhận thức bởi mắt; Tỳ-kheo này thấy rồi, không vui, không khen ngợi, không nhiễm, không trói đắm vào. Vì không vui, không khen ngợi, không nhiễm, không bị trói đắm vào, nên nỗ lực tinh tấn, thân tâm an chỉ, tịch tĩnh, tâm tuyệt đối an trụ không quên, thường định nhất tâm, pháp hỷ không lưỡng, sớm được tam-muội Chánh thọ đệ nhất, không bao giờ bị thoái thất theo nơi mắt và sắc. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp cũng lại như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 213. PHÁP¹⁰⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta sē vì các ông diễn nói hai pháp. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Hai pháp đó là gì? Nhãn và sắc là hai: tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp là hai. Đó gọi là hai pháp.

“Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào nói như vậy: ‘Đây chẳng phải là hai. Hai pháp mà Sa-môn Cù-đàm nói, đó thật sự không phải là hai¹⁰⁵.’ Người kia nói hai pháp theo ý của mình, đấy chỉ có trên ngôn

¹⁰⁴. Pāli, S. 35. 92. Dvayaṃ.

¹⁰⁵. Pāli: aham etaṃ dvayaṃ paccakhāya aññāmaṃ dvayaṃ paññapessamī ti, “Tôi loại bỏ qua hai pháp này mà sē công bố hai pháp khác”.

thuyết; khi hỏi đến thì sẽ không biết, khiến sẽ tăng thêm nghi hoặc cho họ, vì đây chẳng phải là cảnh giới của họ. Vì sao? Vì duyên vào mắt và sắc sanh ra nhẫn thức, cả ba hòa hợp duyên lại thành xúc, duyên vào xúc sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Nếu không biết như thật về sự tập khởi của cảm thọ, về sự diệt tận của cảm thọ, về vị ngọt của cảm thọ, về sự tai hại của cảm thọ, về sự xuất ly cảm thọ này, thì sẽ gieo trồng tham dục nơi thân xúc, sẽ gieo trồng sân nhuế nơi thân xúc, sẽ gieo trồng giới thủ về thân xúc, sẽ gieo trồng ngã kiến nơi thân xúc; cũng gieo trồng và làm tăng trưởng các ác pháp bất thiện. Thuần một tụ khổ lớn như vậy, đều từ sự tập khởi mà sanh ra. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm nhân duyên sanh ra ý thức. Cả ba chúng hòa hợp sanh ra xúc, *nói chi tiết như trên*.

“Lại nữa, khi nhẫn duyên vào sắc sanh ra nhẫn thức, cả ba chúng hòa hợp sanh ra xúc và xúc làm duyên sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Khi đã biết về sự tập khởi của cảm thọ, về sự diệt tận của cảm thọ, về vị ngọt của cảm thọ, về sự tai hại của cảm thọ, về sự xuất ly của cảm thọ như vậy rồi, thì sẽ không gieo trồng tham dục nơi thân xúc, sẽ không gieo trồng sân nhuế nơi thân xúc, sẽ không gieo trồng giới thủ nơi thân xúc, sẽ không gieo trồng ngã kiến về thân xúc, sẽ không gieo trồng các pháp ác bất thiện. Như vậy các pháp ác bất thiện sẽ bị tiêu diệt và thuần một tụ khổ lớn cũng bị tiêu diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 214. NHỊ PHÁP¹⁰⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

¹⁰⁶. Pāli, S. 35. 93. Dvayam.

“Có hai nhân duyên sanh ra thức. Những gì là hai? Đó là: mắt và sắc; tai và mũi; lưỡi và vị; thân và xúc; ý và pháp. Nói chi tiết như trên, cho đến... chẳng phải là cảnh giới của thọ.

“Vì sao? Vì mắt và sắc làm nhân duyên sanh ra nhẫn thức, chúng là pháp hữu vi, vô thường, tâm duyên mà sanh; ba pháp này hòa hợp sanh ra xúc, xúc rồi sanh cảm thọ, cảm thọ rồi sanh tư, tư rồi sanh tưởng. Tất cả những pháp này là pháp hữu vi, vô thường, tâm duyên mà sanh, tức là: xúc, tưởng, tư. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 215. PHÚ-LƯU-NA¹⁰⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Phú-lưu-na cùng các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, đánh lě dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Thế Tôn nói pháp hiện thấy, nói dập tắt sự rực cháy, nói không đợi thời, nói hướng đạo chân chánh, nói chính nơi đây mà thấy, nói duyên tự tâm mà giác ngộ¹⁰⁸. Vậy, bạch Thế Tôn thế nào là pháp hiện thấy, cho đến duyên tự tâm mà giác ngộ?

Phật bảo Phú-lưu-na:

“Lành thay! Phú-lưu-na có thể hỏi những điều này. Nay Phú-lưu-na, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

¹⁰⁷. Pāli, S. 35. 88. Puṇṇa.

¹⁰⁸. Hán: hiện pháp, xí nhiên, bất đai thời, chánh hướng, tức thủ kiến, duyên tự giác 現法，熾燃，不待時，正向，即此見，緣自覺；các phẩm tính của Chánh pháp; định cú theo Pāli:svākkhāto bhagavatā dhammo sanditthikio akāliko ehi-passiko opnayiko paccattam veditabbo viññuhī ti. Hán dịch, *Phẩm Loại Túc Luận 2*: thiện thuyết, hiện kiến, vô nhiệt, ứng thời, dẫn đạo, cận quán, trí giả nội chứng; tham chiếu *Du-già Sư Địa Luận 8* (Đại 30, tr.766c): hiện kiến, vô xí nhiên, ứng thời, dẫn đạo, duy thủ kiến, nội sở chứng.

“Này Phú-lưu-na, mắt thấy sắc rồi giác tri¹⁰⁹ sắc, giác tri sắc tham. Nếu bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt, thì biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt. Ngày Phú-lưu-na, nếu mắt thấy sắc rồi giác tri sắc, giác tri sắc tham, biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt. Đó gọi là pháp được hiện thấy¹¹⁰.

“Thế nào là dập tắt sự rực cháy? Thế nào là không đợi thời? Thế nào là hướng đạo chân chánh? Thế nào là chính nơi đây mà thấy? Thế nào là duyên tự tâm mà giác ngộ?

“Này Phú-lưu-na, mắt thấy sắc rồi giác tri sắc, nhưng không khởi giác tri sắc tham; biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức nhưng không khởi giác tri sắc tham. Nếu Tỳ-kheo, Phú-lưu-na, khi mắt thấy sắc, rồi giác tri sắc, không khởi giác tri sắc tham và biết như thật về sắc, biết như thật là không khởi giác tri sắc tham; gọi đó là dập tắt sự rực cháy, không đợi thời, hướng đạo chân chánh, chính nơi đây mà thấy, duyên tự tâm mà giác ngộ. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Phú-lưu-na nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 216. ĐẠI HẢI¹¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nói biển lớn, đó là lời nói của người ngu nói, chứ không phải là lời nói của bậc Thánh. Biển lớn này chỉ là một ít nước thôi. Biển mà Thánh nói là cái gì? Đó là, sắc được nhận thức bởi mắt, đáng mong muốn, đáng yêu thích, chìm đắm tham lạc liên hệ nghiệp thân, khẩu,

¹⁰⁹. Giác tri 覺 知, tức được cảm thọ, cảm nhận. Pāli: vedayita.

¹¹⁰. Hiện kiến pháp 現 見 法, ở trên Hán dịch là hiện pháp. Pāli: sanditthiko.

¹¹¹. Pāli, S. 35. 188. Samudda.

ý¹¹²; đó gọi là biển. Tất cả thế gian bao gồm chúng A-tu-la, cho đến trời, người tham lạc chìm đắm trong đó. Như trong ruột chó, như đống cỏ loạn¹¹³; đời này và đời khác được nối kết chằng chịt lại cũng như vậy. Đối với tiếng được nhận thức bởi tai, mùi được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, đời này và đời khác được nối kết chằng chịt lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như nói về nghiệp thân, miệng, ý; tham, nhuế, si, già, bệnh, chết cũng nói chi tiết như vậy.

Giống như ba kinh nói về năm căn, ba kinh nói về sáu căn cũng như vậy.

**
*

KINH 217. ĐẠI HẢI (2)¹¹⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nói biển lớn, đó là lời nói của người ngu nói, chứ không phải là lời nói của bậc Thánh. Bậc Thánh nói mắt là biển lớn của con người và sắc kia là sóng cả¹¹⁵. Nếu người nào chịu nổi sắc ba đào, thì sẽ vượt qua bờ bên kia của biển cả của mắt, với các sóng cả, các dòng xoáy, sâu trùng độc hại và nữ quỷ La-sát. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý; chúng là biển cả của con người, âm thanh, mùi hương, vị, xúc chạm và pháp là sóng cả. Nếu ai kham chịu nổi pháp ba đào này, thì sẽ vượt qua bờ bên kia của biển cả của mắt, với các sóng cả, các dòng xoáy, sâu trùng độc hại và nữ quỷ La-sát.”

¹¹². Pāli: cakkhuviññeyyā rūpā iṭṭhā (...) kāmūpasamhitā, sắc được nhận thức bởi mắt, khả ái... liên hệ đến dục. Bản Hán đọc: kammūpasamhitā, liên hệ nghiệp.

¹¹³. Pāli: tantākulakajātā kulaganṭhikajātā muñjapabbajabhatā, giống như cuộn chỉ rối, như vật sinh thối được che đậm, như cỏ muñja, cỏ pabbaja.

¹¹⁴. Pāli, S. 35. 187. Samudda.

¹¹⁵. Pāli: tassa rūpamayo vego, dòng nước chảy xiết của nó được tạo thành bởi sắc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đọc bài kệ:

*Biển cả sóng cuồn cuộn,
Quỷ, ác trùng, ghê sợ.
Khó vượt nhưng vượt được;
Vĩnh viễn đoạn tập khởi,
Dứt trừ tất cả khổ,
Không tái sanh đời khác.
Vĩnh viễn trụ Niết-bàn,
Không còn buông lung nữa.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 218. KHỔ TẬP DIỆT¹¹⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ vì các ông mà nói về con đường dẫn đến tập khởi của khổ và con đường dẫn đến diệt tận khổ¹¹⁷. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Thế nào là con đường dẫn đến tập khởi khổ? Do duyên con mắt và sắc, nhãn thức phát sanh; ba sự hòa hợp sanh ra xúc; xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nã. Khổ tập khởi như vậy. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là con đường tập khởi của khổ.

“Thế nào là con đường dẫn đến diệt tận khổ? Do duyên con mắt và sắc, nhãn thức phát sanh; ba sự hòa hợp sanh ra xúc. Xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt,

¹¹⁶. Pāli, S. 35. 106. Dukkha.

¹¹⁷. Khổ tập đạo tích, khổ diệt đạo tích 苦集道跡苦滅道跡. Pāli: dukkhassa bhikkhave samadayañ ca atthaṅgamañ ca dessāmi, Ta sẽ nói về sự nổi lên và sự chìm xuống (sanh khởi và diệt tận) của khổ.

hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nãm cũng diệt luôn, thuần một tụ khổ lớn như vậy bị tiêu diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*.

KINH 219. NIẾT-BÀN ĐẠO TÍCH¹¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về con đường đưa đến Niết-bàn¹¹⁹. Vậy, thế nào là con đường đưa đến Niết-bàn? Quán sát mắt là vô thường. Quán sát sắc, nhãm thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãm xúc; chúng cũng đều là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là con đường đưa đến Niết-bàn.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 220. TỢ THÚ NIẾT-BÀN ĐẠO TÍCH¹²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có con đường tương tự đưa đến Niết-bàn. Vậy, thế nào là con đường tương tự đưa đến Niết-bàn? Quán sát mắt chẳng phải ngã.

¹¹⁸. Pāli, S. 35. 146. Sappāya (thể nghiệm).

¹¹⁹. Niết-bàn đạo tích 涅槃道跡. Pāli: nibbānasappāyam vo bhikkhace paṭipadām dessāmi, Ta sẽ nói về con đường dẫn đến thể nghiệm Niết-bàn.

¹²⁰. Con đường tương tự (gần giống) dẫn đến Niết-bàn. Pāli, S. 35. 147-149. Sappāya.

Quán sát sắc, nhãm thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãm xúc, chúng cũng được quán sát là vô thường¹²¹. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là con đường tương tự đưa đến Niết-bàn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 221. THỦ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có con đường đưa đến tất cả thủ. Vậy, thế nào là con đường đưa đến tất cả thủ? Duyên con mắt và sắc mà nhãm thức phát sanh; cả ba hòa hợp sanh ra xúc. Xúc làm duyên sanh ra cảm thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, vì được chấp thủ bởi thủ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng vậy, vì được chấp thủ bởi thủ. Đó gọi là con đường đưa đến tất cả thủ.

"Thế nào là con đường đoạn tận tất cả thủ? Duyên con mắt và sắc mà nhãm thức phát sanh; cả ba hòa hợp nhau sanh ra xúc. Nếu xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 222. TRI THỨC¹²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

¹²¹. Trong nguyên bản: vô thường 無常; Ẩn Thuận sửa lại là phi ngã 非我?

¹²². Pāli, S. 35. 26-27. Parijāna.

“Nên biết tất cả pháp được liễu tri, tất cả pháp được nhận thức¹²³. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

Thế nào là tất cả pháp được liễu tri? Tất cả pháp được nhận thức? Nay các Tỳ-kheo, mắt là pháp được liễu tri, được nhận thức. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng đều là pháp được liễu tri, được nhận thức. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 223. ĐOAN (I)¹²⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta không nói có một pháp không được liễu tri, không được nhận thức, mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Thế nào là không nói có một pháp không được liễu tri, không được nhận thức, mà cứu cánh biên tế khổ? Ta không nói, đối với mắt không được liễu tri, không được nhận thức, mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, Ta không nói không được liễu tri, không được nhận thức, mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

¹²³. Tri pháp, thức pháp, 知 法 識 法 . Bản Pāli: anabhijānaṃ, aparijānaṃ: không được thắng tri (nhận thức rõ ràng), không được biến tri (nhận thức toàn diện).

¹²⁴. Pāli, xem kinh 222.

KINH 224. ĐOẠN (2)¹²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Tất cả pháp dục cần phải đoạn trừ¹²⁶. Vậy, thế nào là tất cả pháp dục cần phải đoạn trừ? Mắt là tất cả pháp dục cần phải đoạn trừ. Sắc, nhẫn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhẫn xúc, chúng là tất cả pháp dục cần phải đoạn trừ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 225. ĐOẠN (3)¹²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta không nói rằng một pháp không được biết rõ, không bị đoạn trừ mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Vậy, thế nào là không nói rằng một pháp không được biết rõ, không bị đoạn trừ mà có thể cứu cánh biên tế khổ? Ta không nói mắt không được biết rõ, không bị đoạn trừ mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Sắc, nhẫn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhẫn xúc, tất cả chúng, Ta không nói, không được biết rõ, không bị đoạn trừ mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.”

¹²⁵. Pāli, S. 35. 24-25. Pahāna.

¹²⁶. Hán: nhất thiết dục pháp — 切欲法 . Bản Pāli: sabbappahānāya vo bhikkhave dhammam dessāmi, Ta sẽ nói cho các người pháp cần để đoạn trừ triệt để.

¹²⁷. Pāli, xem kinh 224.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 226. KẾ (1)¹²⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về sự đoạn trừ tất cả kế chấp¹²⁹. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Thế nào là không kế chấp? Không chấp sắc thấy là ngã, không chấp mắt là ngã sở, không chấp lê thuộc vào nhau. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, đối với chúng cũng không mê chấp lạc là ngã, là ngã sở, không chấp là tương thuộc¹³⁰. Không chấp tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

“Người nào không chấp như vậy, đối với các pháp thế gian thường không có gì để chấp giữ. Vì không có gì để chấp giữ nên không có gì để đắm nhiễm. Vì không có gì để đắm nhiễm nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa’.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

¹²⁸. Tức phân biệt chấp trước. Pāli, S. 35, 90-91. Eja (dao động, bị kích thích bởi sự dụ hoặc).

¹²⁹. Pāli: ejā, sự dao động. Sơ giải Pāli nói, ejā tức taṇhā (khát ái).

¹³⁰. Hán: bất kế lạc tương lạc 不計樂相樂, xem kinh 227. Pāli: tasmimpi na maññeyya tam meti na maññeyya: không ở nơi đây (khổ, lạc) mà tư duy; không y theo đây mà tư duy; cũng không tư duy nó là của tôi.

KINH 227. KẾ (2)¹³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Kế chấp là bệnh, kế chấp là ung nhọt, kế chấp là gai nhọn¹³². Như Lai vì không trụ kế chấp nên xa lìa bệnh, xa lìa ung nhọt, xa lìa gai nhọn. Cho nên này các Tỳ-kheo, nếu muốn cầu không trụ kế chấp, để xa lìa bệnh, xa lìa ung nhọt, xa lìa gai nhọn, thì Tỳ-kheo các ông chớ kế chấp mắt là ngã, là ngã sở, chớ kế chấp tương thuộc của mắt; chớ chấp sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, cũng không chấp cho là ngã, là ngã sở, hay ở trong nhau. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

Này các Tỳ-kheo, người nào không chấp như vậy, đối với mắt sẽ không có gì để chấp giữ. Vì không có gì để giữ, nên không có gì để đắm nhiễm. Vì không có gì để đắm nhiễm nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như mắt... đã nói trên, còn tất cả những nội dung khác cũng như vậy.

**

KINH 228. TĂNG TRƯỞNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về pháp tăng trưởng và pháp tổn diệt. Thế nào là

¹³¹: Pāli, xem kinh 226.

¹³²: Kế giả thị bệnh 計者是病. Pāli: ejā bhikkhave rogo ejā gaṇḍo ejā sallam, động tham (kích thích bởi tham dục) là bệnh; động tham là gai nhọn; động tham là mũi tên độc. Xem cht.129, kinh 226 trên.

pháp tăng trưởng? Duyên con mắt và sắc mà nhãm thức phát sanh; cả ba hòa hợp nhau sanh ra xúc. Xúc làm duyên sanh ra cảm thọ... (*nói chi tiết đầy đủ cho đến...*), thuần một tụ khổ lớn. Đó gọi là pháp tăng trưởng. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy, đó gọi là pháp tăng trưởng.

“Thế nào là pháp tổn diệt? Duyên con mắt và sắc mà nhãm thức phát sanh, cả ba hòa hợp nhau sanh ra xúc. Xúc diệt thì thọ diệt, chi tiết cho đến... thuần một tụ khổ lớn bị diệt tận. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy, đó gọi là pháp tổn diệt.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như pháp tăng trưởng và tổn diệt, thì pháp khởi, pháp xú, pháp biến dịch, pháp tập khởi, pháp diệt tận cũng dạy như trên.

**
*

KINH 229. HỮU LẬU VÔ LẬU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về pháp hữu lậu và pháp vô lậu. Vậy, thế nào là pháp hữu lậu? Sắc, nhãm thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãm xúc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc; thuộc thế tục, nên gọi là pháp hữu lậu.

“Thế nào là pháp vô lậu? Là vượt ra ngoài thế gian ý, hoặc pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc, thuộc xuất thế gian, nên gọi là pháp vô lậu.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



TẬP A-HÀM QUYẾN 9

KINH 230. TAM-DI-LY-ĐỀ (I)¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo tên là Tam-di-ly-đề đi đến chỗ Phật, đánh lỗ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, gọi là thế gian. Vậy, thế nào gọi là thế gian?”

Phật bảo Tam-di-ly-đề:

“Con mắt, sắc, nhẫn thức, nhẫn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhẫn xúc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc. Đó gọi là thế gian. Vì sao? Vì sáu nhập xứ tập khởi nên xúc tập khởi, như vậy cho đến thuần một tụ khổ lớn cũng tập khởi.

“Này Tam-di-ly-đề, nếu không có con mắt kia, không có sắc, không có nhẫn thức, không có nhẫn xúc và không có cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhẫn xúc; không có tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc, thì không có thế gian, cũng không thi thiết thế gian². Vì sao? Vì sáu nhập xứ diệt nên xúc diệt, cho đến thuần một tụ khổ lớn cũng diệt.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như thế gian, chúng sanh, cũng được thuyết như vậy.

**

¹: Pāli, S. 35. 65-68. Samiddhi.

²: Thi thiết thế gian 施設世間, giả thiết hay khái niệm về thế gian. Pāli: lokapaññatti.

KINH 231. TAM-DI-LY-ĐỀ (2)³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Tam-di-ly-đề, đi đến chỗ Phật, đánh lẽ dưới chân Phật, rồi ngồi lui sang một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, gọi là thế gian. Vậy, thế nào gọi là thế gian?”

Phật bảo Tam-di-ly-đề:

“Mong manh tan vỡ⁴, đó gọi là thế gian. Thế nào là mong manh tan vỡ?”

“Này Tam-di-ly-đề, mắt là pháp mong manh tan vỡ. Sắc, nhẫn thức, nhẫn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhẫn xúc, tất cả chúng đều mong manh tan vỡ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó là nói rằng vì nó mong manh tan vỡ cho nên gọi là thế gian.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 232. KHÔNG⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Tam-di-ly-đề, đi đến chỗ Phật, đánh lẽ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

³. Pāli, xem kinh 230; tham chiếu, S. 35. 82. Loka.

⁴. Nguy thủy bại hoại 危 脆 敗 壞: mong manh, giòn, dễ tan vỡ. Pāli: lujjati; xem cht.5 dưới.

⁵. Pāli, S. 35. 82. Loka, câu này Phật trả lời cho một Tỳ-kheo (aññataro bhikkhu): lujjati 'ti kho, bhikkhu, tamsā lokoti vuccati, nó bị tan vỡ, do đó nó được gọi là thế gian. Theo định nghĩa này, danh từ ioka (thế gian) là do gốc động từ lujjati (tan vỡ, vì quá giòn, hay mong manh).

⁶. Pāli, S. 35. 65-85. Suñña.

“Bạch Thế Tôn, nói rằng ‘Thế gian trống không?’ Vậy, thế nào gọi là ‘Thế gian trống không?’”

Phật bảo Tam-di-ly-đề:

“Mắt là không; pháp thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch là không; ngã sở là không⁸. Vì sao? Vì tính của nó tự là như vậy. Sắc, nhẫn thức, nhẫn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhẫn xúc, tất cả chúng cũng không, pháp thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch là không, ngã sở là không. Vì sao? Vì tính của nó tự như vậy. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là thế gian không.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 233. THẾ GIAN⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về thế gian, về sự tập khởi của thế gian, về sự diệt tận thế gian, về con đường đưa đến sự diệt tận thế gian. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

“Thế nào là thế gian? Đó là sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Nhẫn nội nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiêt, thân, ý nội nhập xứ.

“Thế nào là sự tập khởi thế gian? Đó là tham ái đối hữu tương lai, đi đôi với tham và hỷ, ước vọng tái sanh chỗ này chỗ kia¹⁰.

“Thế nào là sự diệt tận thế gian? Đó là tham ái đối hữu tương lai, đi đôi với tham và hỷ, ước vọng tái sanh chỗ này chỗ kia, đã được đoạn

⁷ Hán: thế gian không 世 間 空 . Pāli: suññō loko. Trong bản Pāli, câu hỏi này do Ānanda.

⁸ Pāli, S. 35. 85: cakkhuṃ suññam attena vā attaniyena vā, con mắt trống không, không ngã hay ngã sở.

⁹ Pāli, S. 35. 107. Loka.

¹⁰ Đương lai hữu ái 當 來 有 愛 ; Pāli: taṇhā̄ ponobhavikā, khát ái về đời sống tương lai, khát vọng tồn tại đời sau.

trừ không dư tàn, đã xả bỏ, đã nhả ra, đã dứt sạch, đã ly dục, tịch diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ.

“Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận? Là tám Thánh đạo: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 234. THẾ GIAN BIÊN¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta không nói là có người đi đến tận cùng biên tế của thế giới¹². Ta cũng không nói là không đi đến tận cùng biên tế của thế giới mà có thể cứu cánh tận cùng biên tế của khổ.”

Ngài nói như vậy rồi vào thất thiền định.

Sau khi Đức Thế Tôn đi rồi, thì bấy giờ có số đông Tỳ-kheo cùng nhau bàn luận:

“Đức Thế Tôn vừa rồi đã tóm lược nói pháp là: ‘Ta không nói là có người đi đến tận cùng biên tế của thế giới. Ta cũng không nói là không đi đến tận cùng biên tế của thế giới mà có thể cứu cánh tận cùng biên tế của khổ.’ Ngài nói như vậy rồi vào thất thiền định. Nay chúng ta chưa hiểu rõ ý nghĩa của bài pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tóm lược đó. Ở trong các vị, ai là người có thể vì chúng ta nói đầy đủ ý nghĩa bài pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tóm lược đó không?”

Lại nói:

“Chỉ có Tôn giả A-nan là người thông minh, trí tuệ ghi nhớ tất cả; thường theo hầu bên cạnh Thế Tôn và được Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí khen ngợi là đa văn, có thể vì chúng ta mà nói đầy đủ ý

¹¹. Pāli, S. 35. 116. Lokakāmaguṇa (phẩm chất dục lạc của thế gian).

¹². Pāli: nāham, bhikkhave, gamanena lokassa antam ñāteyyam, datteyyam, patteyyanti vadāmi, Ta không nói rằng, do đi mà có thể đến và thấy và biết tận cùng biên tế của thế giới.

nghĩa bài pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tóm lược đó. Chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả A-nan nhờ Tôn giả giải thích."

Rồi thì, số đông Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-nan, thăm hỏi nhau rồi ngồi qua một bên, đem hết mọi chuyện trên hỏi Tôn giả A-nan.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các Tôn giả mà nói. Hoặc là thế gian, hoặc là danh của thế gian, giác của thế gian, ngôn từ của thế gian, ngữ thuyết của thế gian, tất cả những thứ này đều thuộc vào số mục của thế gian¹³. Thưa các Tôn giả, mắt là thế gian, là danh của thế gian, là giác của thế gian, là ngôn từ của thế gian, là ngữ thuyết của thế gian, tất cả chúng đều thuộc vào số mục của thế gian. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử đối với sáu nhập xứ phải biết như thật về sự tập khởi, về sự diệt tận, về vị ngọt, về sự tai hại, về sự xuất ly của chúng. Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử đã đến chỗ tận cùng của thế giới, biết được thế gian và sức nặng của thế gian¹⁴ và vượt qua khỏi thế gian."

Bấy giờ Tôn giả A-nan lại nói kệ:

*Chẳng phải do bước đi,
Mà đến bờ thế giới.
Không đến bờ thế giới,
Thì không thoát khỏi khổ.
Cho nên Đức Mâu-ni,
Là Đăng Biết Thế Gian¹⁵,
Đã đến bờ thế giới,
Các phạm hạnh đã lập.
Bờ thế giới chỉ có
Chánh trí mới biết rõ.
Giác tuệ đạt thế gian,
Nên nói vượt bờ kia.*

^{13.} Pāli: yena āvuso lokasmīm̄ lokasaññī hoti lokamānī – ayam vuccati ariyassa vinaye loko, cái mà do bởi nó người có khái niệm về thế gian, có suy tưởng về thế gian, cái đó trong Thành pháp luật được gọi là thế gian (= thế giới).

^{14.} Thế gian sở trọng 世間所重.

^{15.} Trí Thế Gian 知世間, tức Thế Gian Giải, một trong mười hiệu của Phật.

“Như vậy các Tôn giả, vừa rồi Đức Thế Tôn đã tóm lược bài pháp, rồi vào thất thiền định. Nay tôi vì các Tôn giả phân biệt nói đầy đủ.”

Khi Tôn giả A-nan nói bài pháp này rồi, số đông các Tỳ-kheo nghe những lời nói xong, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 235. CẬN TRỰ¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có thầy, có đệ tử gần gũi, là khổ đối với đời sống cô độc. Không thầy, không đệ tử gần gũi, là an lạc đối với đời sống cô độc¹⁷. Thế nào là có thầy, có đệ tử gần gũi, là khổ đối với đời sống cô độc? Duyên vào mắt thấy sắc, sanh ra các niệm tưởng ác bất thiện¹⁸ câu hữu với tham, nhuế, si. Nếu Tỳ-kheo nào thực hành pháp này, thì gọi là có thầy¹⁹; nếu trụ vào bên cạnh đó thì gọi là đệ tử gần gũi²⁰. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy.

“Như vậy nói là có thầy, có đệ tử gần gũi, thì thường khổ đối với đời sống cô độc.

“Thế nào là không thầy, không đệ tử gần gũi, thường an lạc đối với đời sống cô độc? Duyên vào mắt thấy sắc, sanh ra niệm ác bất

¹⁶. Cận trú 近住, đây hiểu là nội trú: đệ tử hầu cạnh thầy. Pāli, S. 35. 150. Antevāsi.

¹⁷. Pāli: santevāsiko, bhikkhave, bhikkhu sācariyako dukkham na phāsu viharati. Anantevāsiko, bhikkhave, bhikkhu anācariyako sukham phāsu viharati, Tỳ-kheo có đệ tử nội trú, có thầy, sống không thoải mái. Tỳ-kheo không đệ tử nội trú, không thầy, sống an lạc.

¹⁸. Ác bất thiện giác 惡不善覺. Pāli: pāpaka akusalā dhammā sarasañkappā samyojanīyā, các pháp ác bất thiện được tưởng nhớ, được ước vọng, dẫn đến sự trói buộc.

¹⁹. Hán: hữu sư 有師. Pāli: sācariyako, người có thầy: samudācaranti nam pāpaka akusalā dhammāti, tasmā sācariyakoti vuccati, các pháp ác bất thiện dẫn nó đi, nên nó được nói là người có thầy.

²⁰. Hán: cận trú đệ tử 近住弟子. Pāli: antevāsa, đệ tử nội trú.

thiện câu hữu với tham, nhuế, si, mà Tỳ-kheo này không hành theo, đó gọi là không thầy. Nếu không nương vào đó mà trụ thì gọi là không đệ tử gần gũi. Đó gọi là không thầy, không đệ tử gần gũi, thường an lạc đối với đời sống cô độc.

“Nếu Tỳ-kheo nào, không thầy, không đệ tử gần gũi, thì Ta nói người này phước phạm hạnh. Vì sao? Tỳ-kheo không thầy, không đệ tử gần gũi, thì Tỳ-kheo ấy đã kiến lập phạm hạnh ở nơi Ta, có khả năng chân chánh diệt tận khổ, cứu cánh biên tế khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 236. THANH TỊNH KHẤT THỰC TRỤ²¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong trở về tịnh xá, cất y bát, rửa chân xong; cầm tọa cụ vào trong rừng, tọa thiền nghỉ trưa. Sau khi tọa thiền xong, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Phật, đánh lẽ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Đức Phật hỏi Xá-lợi-phất:

“Ngươi từ đâu lại?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Bạch Thế Tôn, con từ chỗ tọa thiền nghỉ trưa ở trong rừng lại.”

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

“Hôm nay ngươi nhập vào thiền nào mà an trú?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Hôm nay con ở trong rừng, nhập an trú thiền Không tam-muội²². ”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, hôm nay ngươi đã nhập

²¹. An trú nơi sự thanh tịnh của khất thực; sống với sự khất thực thanh tịnh. Pāli, M. 151. Piṇḍapātapañcikā-sutta, Cf. N°125 (45.6).

²². Pāli: suññatāvihārena kho aham bhante etarahi bahulam vihārāmī ti, bạch Thế Tôn, ở đây con phần nhiều an trú bằng sự an trú nơi không tánh.

thiền trú bậc thượng tọa mà tọa thiền²³. Nếu các Tỳ-kheo nào, muốn nhập thiền thượng tọa, thì phải học như vầy:

“Khi vào thành, khi đi khất thực, hoặc lúc ra khỏi thành, thì phải tư duy như thế này: ‘Hôm nay mắt ta thấy sắc, có khởi lên dục, ân ái, ái lạc, niệm tưởng, đắm nhiễm không?’ Nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo quán sát như vậy, nếu nhẫn thức đối với sắc mà có ái niệm, đắm nhiễm, thì Tỳ-kheo này vì để đoạn ác bất thiện nên phải phát khởi quyết ý tinh cần, có khả năng buộc chặt ý niệm để tu học. Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, vì muốn dập tắt hết lửa, nên phải phát khởi nỗ lực quyết tâm để dập tắt lửa. Tỳ-kheo này lại cũng phải như vậy, phải phát khởi quyết ý tinh cần, buộc chặt ý niệm để tu học.

“Nếu Tỳ-kheo khi quán sát, hoặc ở giữa đường, hoặc đi khất thực ở trong làng xóm, hoặc đi ra khỏi làng xóm, ngay trong lúc đó mà nhẫn thức đối với sắc không có ái niệm, đắm nhiễm, thì Tỳ-kheo này ước nguyện bằng thiện căn hỷ lạc này, ngày đêm tinh cần cột niệm tu tập. Đó gọi là Tỳ-kheo đi, đứng, ngồi, nằm, với sự khất thực đã được thanh tịnh. Cho nên kinh này gọi là Thanh tịnh khất thực trụ.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 237. TỲ-XÁ-LY²⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùm các, bên cạnh ao Di hâu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ có gia chủ tên là Úc-cù-lū²⁵ đi đến chỗ Phật, đánh lẽ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Vì sao có Tỳ-kheo nhập Niết-bàn ngay trong đời này và có Tỳ-kheo không nhập Niết-bàn ngay trong đời này?”

Phật bảo gia chủ:

²³. Pāli: mahāpurisavīhāro eso, sāriputta, yadidam suññam, đây là sự an trú của bậc Đại nhân, này Sariputta, đó là an trú không.

²⁴. Pāli, S. 35. 124. Vesālī.

²⁵. Úc-cù-lū 郁 翟 婆 . Pāli: Ugga (Úc-già).

“Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sắc được nhận thức bởi mắt mà có ái niêm, đắm nhiễm; do ái niêm, đắm nhiễm, thường y trên thức và bị nó trói buộc, bị nó giữ chặt, nên không thể nhập Niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy.

“Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sắc được nhận thức bởi mắt mà không ái niêm, đắm nhiễm; vì không có ái niêm, đắm nhiễm nên không y trên thức. Vì không bị xúc, không bị dính mắc, không bị chấp thủ, nên các Tỳ-kheo này nhập Niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

“Cho nên, này gia chủ, có Tỳ-kheo nhập Niết-bàn ngay trong đời này và có Tỳ-kheo không nhập Niết-bàn ngay trong đời này.”

Như kinh Gia chủ hỏi, kinh A-nan hỏi và kinh Phật vì các Tỳ-kheo mà nói, cũng dạy như trên vậy.

**
*

KINH 238. NHÂN DUYÊN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ có Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui sang một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vì nhân gì, duyên gì mà nhãm thức sanh? Và vì nhân gì duyên gì mà tai, mũi, lưỡi, thân, ý thức sanh?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Vì mắt do duyên sắc nên nhãm thức sanh. Vì sao? Khi nhãm thức sanh, là do tất cả mắt và sắc làm nhân duyên. Tai và âm thanh làm nhân duyên, mũi và hương làm nhân duyên, lưỡi và vị làm nhân duyên; ý và pháp làm nhân duyên nên ý thức sanh. Vì sao? Vì những gì là ý thức, tất cả chúng đều do ý và pháp làm nhân duyên sanh ra.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là do nhân duyên sanh ra nhãm thức, cho đến do nhân duyên sanh ra ý thức.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 239. KẾT²⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hâu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về pháp bị kết buộc và pháp kết buộc²⁷.

“Thế nào là pháp bị kết sử trói buộc? Là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là pháp bị kết sử trói buộc.

“Thế nào là pháp kết sử? Là dục tham²⁸. Đó gọi là pháp kết sử.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 240. THỦ²⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hâu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về pháp bị chấp thủ và pháp chấp thủ.

“Thế nào là pháp bị chấp thủ? Là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là pháp bị chấp thủ.

“Thế nào là pháp chấp thủ? Là dục tham. Đó gọi là pháp chấp thủ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

²⁶. Kết 結 , hay kết sử 結 使 , chỉ sự trói buộc của phiền não. Pāli, S.35. 109, 122. Samyojana.

²⁷. Kết sở hệ pháp, kết pháp 結 所 繫 法 結 法 , pháp bị trói buộc bởi kết sử và kết sử. Pāli: samyojaniye dhamme, samyojanam.

²⁸. Dục tham 欲 贪 . Pāli: chandarāgo.

²⁹. Pāli, S. 35. 110, 123. Upādāna.

KINH 241. THIỀU NHIỆT³⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùm các, bên cạnh ao Di hâu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo, phàm phu ngu si không học, thà dùng lửa đốt cháy que đồng rồi đem thui con mắt của mình, khiến cho nó cháy thiêu, chứ không để nhẫn thức chấp vào sắc tướng mà chấp thủ hình dáng tốt đẹp. Vì sao? Vì chấp vào sắc tướng, chấp thủ những hình ảnh tốt đẹp, nên bị rơi vào đường ác, như hòn sắt bị chìm.

“Phàm phu ngu si, không học, thà nung đỏ dùi sắt đem dùi lỗ tai mình còn hơn là dùng nhĩ thức chấp vào âm thanh mà chấp thủ tiếng hay. Vì sao? Vì nhĩ thức chấp vào âm thanh mà chấp thủ tiếng hay, thì khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

“Phàm phu ngu si, không học, thà dùng lưỡi dao bén cắt đứt mũi mình đi, còn hơn là dùng tỷ thức chấp vào mùi mà chấp thủ hương thơm. Vì sao? Vì chấp vào hương mà chấp thủ mùi thơm, thì khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

“Phàm phu ngu si, không học, thà dùng lưỡi dao bén cắt đứt lưỡi mình đi, còn hơn là dùng thiệt thức chấp vào vị mà chấp thủ vị ngon. Vì sao? Vì chấp vào vị mà chấp thủ vị ngon, thì khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

“Phàm phu ngu si, không học, thà dùng thanh sắt cứng, cây giáo mũi nhọn đâm vào thân thể mình, còn hơn là dùng thân thức chấp vào sự xúc chạm mà chấp thủ cảm giác xúc chạm êm ái. Vì sao? Vì chấp vào sự xúc chạm mà chấp thủ cảm giác xúc chạm êm ái, thì khi thân hoại mạng chung, sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

“Này các Tỳ-kheo, ham ngủ là sinh hoạt của người ngu, là mang

³⁰. Thiêu nhiệt 燒熱, hay xí nhiên 燢燃: rực cháy; ngọn lửa đang bùng cháy.
Pāli, S. 35. 194. Ādittena.

sống của người ngu, không lợi, không phước³¹. Nhưng này các Tỳ-kheo, thà nê mê ngủ còn hơn là đối với sắc kia mà khởi lên giác tưởng³². Nếu khởi lên giác tưởng ắt sẽ sanh ra triền phược, tranh tụng, có thể khiến cho mọi người đưa đến việc làm phi nghĩa, không mang lại lợi ích và an lạc cho trời người³³.

“Đa văn Thánh đệ tử kia nên phải học như vậy: ‘Nay ta thà nung đỏ cây thương bằng sắt đem đâm vào con mắt, còn hơn là dùng nhãm thức để chạy theo sắc tướng thì chắc chắn sẽ bị rơi vào ba đường ác phải chịu khổ lâu dài. Từ hôm nay, ta phải tư duy chân chánh, quán sát mắt là vô thường, hữu vi, là pháp tâm duyên để sanh. Sắc, nhãm thức, nhãm xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãm xúc, tất cả chúng đều là vô thường, hữu vi, là pháp tâm duyên để sanh. Đối với tai, mũi lưỡi, thân nhập xứ, cũng phải học như vậy. Thà dùng cây thương sắt đâm thủng thân mình, còn hơn là đem thân thức chấp vào sự xúc chạm mà chấp thủ cảm giác xúc chạm êm ái, thì sẽ rơi vào ba đường ác. Từ hôm nay, ta phải tư duy đúng, quán sát thân là pháp hữu vi vô thường, tâm duyên sanh. Hoặc xúc, thân thức, thân xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên thân xúc, chúng cũng là vô thường, hữu vi, là pháp tâm duyên để sanh.’

“Đa văn Thánh đệ tử nên học như vậy: ‘Ham ngủ là sinh hoạt của người ngu, là mạng sống của người không lợi, không phước. Ta không ham ngủ, cũng không khởi giác tưởng. Nếu khởi giác tưởng thì sẽ sanh ra triền phược, tranh tụng, khiến cho mọi người làm những việc phi nghĩa, không lợi ích, không đem lại an lạc.’

“Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy đối với mắt sanh ra nhảm tâm. Sắc, nhãm thức, nhãm xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi

^{31.} Pāli: sottam̄ kho... vañjham̄ jīvitānam̄... aphalam̄ jīvitānam̄... momūham̄ jīvitānam̄ vadāmi: ngủ, Ta nói là sự không sanh sản của sinh mạng, là sự không kết trái của sinh mạng, là sự ngu mê của sinh mạng.

^{32.} Pāli: na tveva tathārupe vitakke vitakkeyya, không tư duy tâm cầu những tư duy tâm cầu.

^{33.} Bản Pāli: (...) sañgham̄ bhindeyya, còn có thể khiến phá hòa hợp Tăng.

khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãm xúc, đối với chúng cũng sanh ra nhảm惱. Do nhảm惱 nên không yêu thích; vì không yêu thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 242. TRI³⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùm các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đối với mắt mà không liễu tri, không nhận thức, không đoạn tận, không ly dục, thì không thể chân chánh diệt khổ. Đối với mắt, nếu liễu tri, nhận thức, đoạn tận, ly dục, thì có thể chân chánh diệt khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như bốn kinh thuyết về mắt cho đến ý, hai mươi bốn kinh cũng thuyết như trên vậy.

**
*

KINH 243. VỊ³⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùm các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, nếu nếm vị nơi mắt, thì nên biết, Sa-môn, Bà-la-môn đó không tự tại thoát khỏi bàn tay của ma, bị ma trói buộc và lọt vào sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như

³⁴. Pāli, S. 35. 111-112. Pajāna.

³⁵. Pāli, S. 35. 15-18. Assādēna, v.v..

vậy. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không nếm vị nơi mắt, thì nên biết Sa-môn, Bà-la-môn đó không chạy theo ma, thoát khỏi bàn tay của ma, không lọt vào sự trói buộc của ma.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như vị ngọt, đối với hoan hỷ, khen ngọt, đắm nhiễm, trụ vững, yêu thích, ghen ghét cũng thuyết như vậy. Như bảy kinh Nội nhập xứ, bảy kinh Ngoại nhập xứ cũng thuyết như vậy.

**

KINH 244. MA CÂU³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có sáu móc câu của ma. Những gì là sáu? Đó là, sắc được con mắt nếm vị, đó là móc câu của ma. Tiếng được tai nếm vị, đó là móc câu của ma. Hương được mũi nếm vị, đó là móc câu của ma. Lưỡi đắm vào vị ngọt của vị, đó là móc câu của ma. Xúc được thân nếm vị, đó là móc câu của ma. Pháp được ý nếm vị, đó là móc câu của ma. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà mắt nếm vị ngọt của sắc, thì nên biết là Sa-môn, Bà-la-môn ấy bị móc câu của ma móc vào yết hầu của họ, đối với ma không được tự tại.”

Nói uế, nói về tịnh, cũng chi tiết như trên.

**

KINH 245. TỨ PHẨM PHÁP³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở nơi tụ lạc Điều phục bác ngưu, tại Câu-lưu-sấu³⁸, lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

³⁶. Móc câu của ma. Pāli, S. 35. 114-115. Mārapāsa.

³⁷. Pāli, S. 35. 189. Bālisika.

³⁸. Câu-lưu-sấu Điều phục bác ngưu tụ lạc 拘留搜 調伏駁牛聚落, tức Pāli: Kurusu Kammāsadamma. Xem kinh 263 dưới.

“Nay Ta sē vì các ông nói pháp, ngôn ngữ phần đầu thiện xảo, ngôn ngữ phần giữa thiện xảo, ngôn ngữ phần cuối cũng thiện xảo, nghĩa thiện xảo, vị thiện xảo, thuần nhất, thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch. Đó là kinh ‘Tứ phẩm pháp’, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sē vì các ông mà nói.

“Kinh Tứ phẩm pháp là gì? Có sắc được nhận thức bởi mắt là đáng yêu, đáng nhớ, đáng thích, đáng say đắm. Tỳ-kheo thấy rồi thì hoan hỷ, tán thán, ái lạc, bám chặt vào đó. Có sắc được nhận thức bởi mắt là không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích đắm vào, chỉ có khổ, đáng nhảm tởm. Tỳ-kheo thấy rồi thì sân hận, bất mãn. Những Tỳ-kheo như vậy không được tự tại thoát khỏi ma,... cho đến sē không giải thoát khỏi sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

“Có sắc được nhận thức bởi mắt là đáng yêu, đáng nhớ, đáng thích, đáng say đắm. Tỳ-kheo thấy rồi không hoan hỷ, không tán thán, không ái lạc mà bám chặt vào đó. Có sắc được nhận thức bởi mắt là không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích đắm vào, chỉ có khổ, đáng nhảm tởm. Tỳ-kheo thấy rồi thì không sân hận, không bất mãn. Tỳ-kheo như vậy, không bị ma tự tại chi phối,... cho đến thoát khỏi mọi sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là kinh Tứ phẩm pháp của Tỳ-kheo.”

**
*

KINH 246. THẤT NIÊN³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật tại thành Vương xá⁴⁰. Bấy giờ vào lúc sáng sớm Thế Tôn đắp y bưng bát vào thành Vương xá khất thực. Lúc ấy⁴¹ Thiên ma Ba-tuần nghĩ rằng, “Vừa sáng sớm

³⁹. Bảy năm. Pāli, S. 35. 24. Sattavassāni.

⁴⁰. Bản Pāli: Phật trú tại Uruvela (Ưu-lâu-tần-loa), bên bờ sông Nerañjara (Ni-liên-thiền).

⁴¹. Bản Pāli: lúc bấy giờ, Ma Ba-tuần theo gót Thế Tôn suốt bảy năm.

mà Sa-môn Cù-đàm đã đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực. Nay ta nên đến đó làm nhiễu loạn ý đạo của ông ta.” Bấy giờ, Ma Ba-tuần hóa làm một người đánh xe, cầm roi đi tìm bò, mặc đồ rách rưới, đầu tóc rối bù, tay chân nứt nẻ, tay cầm roi bò, đến trước Thế Tôn hỏi:

“Cù-đàm có thấy con bò của tôi ở đâu không?”

Đức Thế Tôn liền nghĩ, “Đây là ác ma, muốn đến gây nhiễu loạn Ta.” Ngài liền nói với ma:

“Này ác ma, ở đâu có bò? Cần bò để làm gì?”

Ma liền nghĩ, Sa-môn Cù-đàm đã biết ta là ma rồi, bèn bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, nhẫn xúc nhập xứ là xe tôi cưỡi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ là xe tôi cưỡi.”

Lại hỏi:

“Bạch Cù-đàm, Ngài muốn đi đến đâu?”

Phật bảo ác ma:

“Ngươi có nhẫn xúc nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ. Nếu kia là chỗ không có nhẫn xúc nhập xứ, không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ, thì chỗ đó không đến được. Ta đi đến đó.”

Bấy giờ Thiên ma Ba-tuần nói kệ rằng:

*Ở đâu thường có ngã,
Chúng đều là của ta,
Tất cả thuộc về ta.
Cù-đàm đi đến đâu?*

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp lại:

*Nếu ai nói có ngã,
Kia nói ngã là quấy.
Như vậy biết Ba-tuần,
Tự hãm vào bế tắc.*

Ma lại nói kệ:

*Nếu bảo rằng biết đạo,
An ổn đến Niết-bàn;
Ngài một mình đi đến,
Phiền gì dạy người khác?*

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nếu có người lìa ma,
Hỏi đường qua bờ giác,
Vì họ nói bình đẳng,
Chân thật quyết không sót,
Tu tập không buông lung,
Thường khôi ma chi phổi.*

Ma lại nói kệ:

*Có đá tựa cục thịt,
Quạ đói đến muốn ăn,
Nó tưởng là mềm ngon,
Muốn lấp vào bụng trống.
Xong không được vị kia;
Mở gãy mà bay đi.
Ta nay giống như quạ,
Cù-dàm như cục đá,
Không được, thẹn mà đi.
Như quạ bay giữa trời,
Trong lòng ôm sâu độc,
Biến nhanh mất đường bay.*

**
*

KINH 247. TẬP CẬN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật tại thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mắt quen gần gũi⁴² sắc, thì bị rơi vào chỗ tự tại của ma, cho đến không giải thoát được sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào, mà mắt không quen gần gũi sắc, không bị rơi vào chỗ tự tại của ma, cho đến, sẽ giải thoát được sự trói buộc của ma. Đối với tai mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.”

⁴². Tập cận 習近; Pāli: sevatī: thân cận và phục vụ.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh quen gần gũi: trói buộc, đắm nhiễm, vị ngọt, chòm xóm láng giềng, (nếu) sai sứ, trói chặt, ngã sở, mong cầu, ham muốn, thuần, nồng hậu không bỏ, cũng thuyết như trên vậy.⁴³

**

KINH 248. THUẦN-ĐÀ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại Kê lâm viên⁴⁴, nước Ba-trà-lợi Phất-đa-la⁴⁵. Bấy giờ Tôn giả A-nan đến chỗ Tôn giả Đại Thuần-đà⁴⁶, cùng nhau thăm hỏi xong, ngồi qua một bên. Bấy giờ Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Thuần-đà:

“Có những điều tôi muốn hỏi, Tôn giả có rảnh rỗi để giải đáp cho không?”

Tôn giả Thuần-đà nói với Tôn giả A-nan:

“Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết thì tôi sẽ trả lời.”

Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Thuần-đà:

“Như Đức Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, đã nói, sắc do bốn đại tạo được thi thiết, được hiển thị, rằng sắc do bốn đại tạo này là phi ngã. Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, cũng nói thức là phi ngã chăng⁴⁷? ”

⁴³. Tóm tắt mười bốn kinh.

⁴⁴. Kê lâm viên 雞林 கூடா cũng thường gọi là Kê viên. Pāli: Kukkuṭārāma.

⁴⁵. Ba-trà-lợi Phất-đa-la quốc 波吒利弗多羅國, thường nói là Hoa thị thành. Pāli: Pātaliputta.

⁴⁶. Đại Thuần-đà 大周那. Em trai của ngài Xá-lợi-phất. Pāli: Mahā-Cunda.

⁴⁷. Tham chiếu, S. 35. 193. Udāyi: Yatheva nu kho, āvuso ānanda, ayam kāyo bhagavatā anekapariyāyena akkāto vivaṭo pakāsito – itipāyaṁ kāyo anattā ti sakkā evameva viññāṇam pidaṁ ācikkhitum desetum paññapetum paṭṭhapetum vivaritum vibhajitum uttānikātum – itipidaṁ viññāṇam anattā ti? Thế Tôn bằng nhiều phương tiện thuyết minh thân này, rằng thân này là vô ngã. Theo như vậy, thì có thể thuyết minh, hiển thị, phân biệt, làm sáng tỏ về thức này, rằng thức này là vô ngã, được chăng?

Tôn giả Thuần-đà nói với Tôn giả A-nan:

“Tôn giả là đa văn bậc nhất. Tôi từ xa đến chõ Tôn giả là vì muốn hỏi pháp này. Hôm nay Tôn giả xin vì tôi mà nói nghĩa này.”

Tôn giả A-nan hỏi Thuần-đà:

“Nay tôi hỏi Tôn giả, hãy tùy ý mà trả lời. Thưa Tôn giả Thuần-đà, vì có mắt, có sắc, có nhãm thức phải không?”

Đáp:

“Phải.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Do duyên vào mắt và sắc nên nhãm thức sanh phải không?”

Đáp:

“Đúng như vậy.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Duyên mắt và sắc sanh ra nhãm thức; nhân này, duyên này là thường hay là vô thường?”

Đáp:

“Là vô thường.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Nhân này, duyên này sanh ra nhãm thức; nhân này, duyên này là vô thường, biến dịch, vậy thức kia có trụ không?”

Đáp:

“Bạch Tôn giả, không.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Theo ý Tôn giả thế nào, pháp kia hoặc sanh hoặc diệt có thể biết được, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Đáp:

“Bạch Tôn giả A-nan, không.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Theo ý Tôn giả thế nào đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp; có ý, có pháp, có ý thức không?”

Đáp:

“Có.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Do duyên vào ý và pháp mà ý thức sanh chăng?”

Đáp:

“Đúng như vậy.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Nếu ý duyên pháp mà ý thức sanh; nhân này, duyên này là thường hay vô thường?”

Đáp:

“Là vô thường.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Hoặc nhân, hoặc duyên mà sanh ra ý thức; nhân này, duyên này là vô thường, biến dịch, vậy ý thức có trụ không?”

Đáp:

“Không.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Theo ý Tôn giả thế nào, pháp này hoặc sanh hay diệt có thể biết, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Đáp:

“Bạch Tôn giả A-nan, không.”

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Thuần-đà:

“Cho nên, này Tôn giả, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, đã nói, thức cũng vô thường.

“Giống như có người cầm rìu vào núi, thấy cây chuối, cho là có thể dùng được, liền chặt đứt gốc, tách bỏ lá, lột bẹ để tìm lõi của nó. Nhưng lột đến chõ tận cùng vẫn không thấy chõ nào chắc cả. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử quán sát chân chánh nhân thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức. Khi quán sát chân chánh, không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm nhiễm; vì không có gì để đắm nhiễm nên tự mình chứng ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Khi hai vị Chánh sĩ kia nói pháp trên, cả hai đều hoan hỷ và mỗi vị trở về chõ ở của mình.

KINH 249. CÂU-HI-LA (1)⁴⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Tôi có những điều muốn hỏi, Tôn giả có thì giờ vì tôi mà giải thích được không?”

Tôn giả Xá-lợi-Phất nói:

“Tùy theo những gì Tôn giả hỏi, nếu tôi biết thì sẽ trả lời.”

Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có còn gì nữa không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan:

“Đừng hỏi rằng: ‘Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh, có còn gì nữa không?’”

Tôn giả A-nan lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, không còn gì nữa chăng?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời Tôn giả A-nan:

“Cũng đừng nên hỏi rằng: ‘Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, không còn gì nữa chăng?’”

Tôn giả A-nan lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có vừa còn vừa không còn gì, vừa chẳng phải còn vừa chẳng phải chẳng còn gì chăng?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời Tôn giả A-nan:

“Ở đây, cũng không nên hỏi rằng: ‘Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có vừa còn vừa không còn gì, vừa chẳng phải còn vừa chẳng phải chẳng còn gì chăng?’”

Tôn giả A-nan lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Như những gì Tôn giả đã nói, sáu xúc nhập xứ, sau khi đã bị đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, không nên nói có, cũng không nên nói

^{48.} Pāli, A. 4. 174. Koṭṭhika.

không, cũng không nên nói vừa có vừa không, cũng không nói chẳng phải có chẳng phải không. Vậy thì, những lời nói này có nghĩa gì?”

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Tôn giả A-nan:

“Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có còn gì chẳng? Đây là những lời hư vọng. Hoặc không còn gì chẳng? Đây cũng là lời hư vọng. Hoặc có và không còn gì chẳng? Đây cũng là lời hư vọng. Hoặc chẳng phải có còn chẳng phải không còn gì chẳng? Đây cũng là những lời hư vọng. Nếu nói, sáu xúc nhập xứ sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch diệt, thì xa lìa các hư nguy, đạt được Niết-bàn. Đó là những lời dạy của Phật.”

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ đều hoan hỷ và mỗi người trở về chỗ của mình.

**

KINH 250. CÂU-HI-LA (2)⁴⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Buổi chiều sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau thăm hỏi, rồi ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Tôi có điều muốn hỏi, Nhân giả có rảnh để giải đáp cho chẳng?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

“Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu tôi biết, tôi sẽ trả lời.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thế nào, mắt kết buộc sắc⁵⁰, hay sắc kết buộc mắt? Tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp; ý kết buộc pháp hay pháp kết buộc ý?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

⁴⁹. Pāli, S. 35. 191. Koṭṭhika.

⁵⁰. Nhãn hệ sắc, sắc hệ nhãn 眼繫色色繫眼 . Pāli: kiṃ nu kho... cakkhu rūpānaṃ saṃyojanam, rūpā cakkhussa saṃyojanan ti: Mắt là kết sử của các sắc, hay các sắc là kết sử của mắt?

“Chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt, cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý. Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, ở giữa hai cái đó, cái gì là dục tham thì cái đó là kết buộc.

“Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, giống như hai con bò, một đen một trắng, cùng bị buộc vào một cái ách. Có người hỏi, ‘Bò đen buộc bò trắng hay bò trắng buộc bò đen?’ Hỏi như vậy có đúng không?”

Đáp:

“Không, Tôn giả Xá-lợi-phất, chẳng phải bò đen buộc bò trắng, cũng chẳng phải bò trắng buộc bò đen. Nhưng ở đây, hoặc là cái ách, hay là dây buộc cổ, là cái kết buộc chúng.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Cũng vậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt, cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý. Ở đây dục tham kết buộc chúng. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, nếu mắt kết buộc sắc, hay nếu sắc kết buộc mắt và cho đến, nếu ý kết buộc pháp, hay nếu pháp kết buộc ý, thì Thế Tôn đã không dạy người kiến lập phạm hạnh để đoạn tận khổ. Vì chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt và cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý, nên Đức Thế Tôn dạy người kiến lập phạm hạnh để đoạn tận khổ. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, Thế Tôn khi mắt thấy sắc hoặc tốt, hoặc xấu, không khởi dục tham; còn những chúng sanh khác khi mắt thấy sắc hoặc tốt, hoặc xấu thì khởi dục tham. Cho nên Đức Thế Tôn nói hãy đoạn tận dục tham, thì tâm được giải thoát. Cho đến, ý và pháp lại cũng như vậy.”

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ đều hoan hỷ, mỗi người trở về chỗ của mình.

**
*

KINH 251. CÂU-HI-LA (3)⁵¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá.

^{51.} Pāli, A. 4. Koṭṭhika (hoặc Upavāṇa); M. 43. Mahāvedalla. Cf. N°26 (211).

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Buổi chiều sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau thăm hỏi, rồi ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Tôi có điều muốn hỏi, Nhân giả có rảnh để giải đáp cho chăng?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

“Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu tôi biết, tôi sẽ trả lời.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Gọi là vô minh, vậy thế nào là vô minh?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

“Là không biết. Không biết tức là vô minh. Không biết cái gì? Không biết như thật mắt là vô thường; đó gọi là không biết. Không biết như thật mắt là pháp sanh diệt, đó gọi là không biết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Như vậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đối với sáu xúc nhập xứ này mà không như thật thấy, biết, không vô gián đắng⁵², ngu si, không sáng, tối tăm, đó gọi là vô minh.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Gọi là minh, vậy thế nào là minh?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

“Là biết. Biết tức là minh. Biết những gì? Mắt là vô thường, nên biết như thật mắt là vô thường; mắt là pháp sanh diệt, nên biết như thật mắt là pháp sanh diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, đối với sáu xúc nhập xứ này mà như thật biết, thấy, sáng tỏ, giác ngộ, có trí tuệ, có vô gián đắng, đó gọi là minh.”

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ đều tùy hỷ, mỗi người trở về chỗ của mình.

**
*

⁵². Tức không hiện quán, không lý giải chính xác.

KINH 252. ỦU-BA-TIỀN-NA⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-dà thành Vương xá. Bấy giờ có Tỳ-kheo tên là Ủu-ba-tiên-na ở trong khu Hàn lâm⁵⁴, giữa bãi tha ma, dưới chân núi Xà-dầu, hành xứ Ca-lan-dà tại thành Vương xá⁵⁵. Bấy giờ Tôn giả Ủu-ba-tiên-na đang ngồi thiền một mình trong hang đá, có một con rắn rất độc, dài khoảng một thước, từ trên phiến đá rơi xuống trên người Ủu-ba-tiên-na. Ủu-ba-tiên-na gọi Tôn giả Xá-lợi-phất đi nói với các Tỳ-kheo:

“Có con rắn độc rơi xuống trên người tôi. Thân tôi đang bị trúng độc. Các ông hãy đến nhanh lên, khiêng người tôi ra để bên ngoài, chờ để người tôi hủy hoại như một đống trấu nát.”

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới bóng cây gần đó, nghe Ủu-ba-tiên-na nói, liền đến chỗ Ủu-ba-tiên-na nói với Ủu-ba-tiên-na:

“Nay nhìn sắc tướng của thầy, tôi thấy các căn vẫn bình thường không đổi khác, mà nói là trúng độc, nhờ ‘khiêng người tôi ra để bên ngoài, chờ để người tôi hủy hoại như một đống trấu.’ Vậy thì rõ cuộc là thế nào?”

Ủu-ba-tiên-na nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Nếu ai đó nói, ‘Con mắt là tôi, là của tôi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là tôi, là của tôi. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là tôi, là của tôi. Địa giới là tôi, là của tôi. Nước, lửa, gió, không, thức giới là tôi, là của tôi; đối với sắc ấm, chấp sắc ấm là tôi, là của tôi. Thọ, tưởng, hành, thức ấm là tôi, là của tôi. Với người đó, sắc mặt và các căn có thể biến đổi khác đi. Nhưng hiện tại tôi không như vậy. Mắt không phải là tôi, là không phải của tôi, cho đến, thức ấm không phải tôi, không phải của tôi, vì vậy cho nên sắc mặt và các căn không có biến đổi khác đi.’”

^{53.} Pāli, S. 35. 69. Upasena.

^{54.} Hàn lâm 寒林, rừng lạnh, khu đất trống vất xác người chết, không thiêu. Pāli: sītavana.

^{55.} Vương xá thành, Xà-dầu nham hạ Ca-lăng-già hành xứ 王舍城蛇頭巖迦陵伽行處. Pāli: rājagahe viharati sītavane sappasonḍikapabbhāre, trú Vương xá, trong rừng Lạnh, trong một hang đá trong núi Xà-dầu.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Như vậy, này Ưu-ba-tiên-na, nếu thầy vĩnh viễn xa lìa ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử, khiến đoạn tận gốc rễ của chúng như chặt ngọn cây đa-la, thì đối với đời vị lai vĩnh viễn không khởi lên trở lại, vậy làm sao sắc mặt và các căn biến đổi khác đi được?”

Rồi thì, Tôn giả Xá-lợi-phất liền đi vòng qua đầu thân Tôn giả Ưu-ba-tiên-na ra khỏi hang. Thân người bị trúng độc của Tôn giả Ưu-ba-tiên-na đang hủy hoại như một đống trấu nát.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói kệ:

*Từ lâu, trông phạm hạnh,
Khéo tu tâm Thành đạo,
Hoan hỷ xả bỏ thân,
Giống như vất bát độc.
Từ lâu, trông phạm hạnh,
Khéo tu tâm Thành đạo,
Hoan hỷ xả bỏ thân,
Như người bệnh hết bệnh.
Từ lâu, trông phạm hạnh,
Khéo tu tâm Thành đạo,
Như ra khỏi nhà lửa,
Lúc chết không lo tiếc.
Từ lâu, trông phạm hạnh,
Khéo tu tâm Thành đạo,
Dùng tuệ quán thế gian,
Giống như cây cổ thối,
Không còn mong gì nữa,
Cũng không tiếp tục nữa.*

Sau khi cúng dường thi thể Tôn giả Ưu-ba-tiên-na xong, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Ưu-ba-tiên-na bị con rắn nhỏ cực độc bằng chiếc thẻ tre trị mắt, rơi xuống trên người và thân thể Tôn giả hủy hoại như đống trấu nát.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Nếu Ưu-ba-tiên-na tụng bài kệ này, thì sẽ không trúng độc và thân thể cũng không bị hủy hoại như đống trấu nát được.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, tụng những bài kệ nào và văn cú của nó ra sao?”

Phật liền vì Xá-lợi-phất đọc kệ:

*Thường thường thương xót chúng,
Kiên cố Lai-tra-la,
Thương Y-la-bàn-na,
Thi-bà-phất-đa-la,
Khâm-bà-la thương mā,
Cũng thương Ca-câu-tra.
Cùng Cù-dàm đen kia,
Nan-dà, Bạt-nan-dà,
Thương xót loài không chân,
Và cả loài hai chân,
Bốn chân, cùng nhiều chân,
Cũng khởi lòng thương xót.
Thương xót các loài rồng,
Trên đất liền, dưới nước,
Thương tất cả chúng sanh,
Dễ sợ, không dễ sợ⁵⁶.
An vui cho tất cả,
Cũng lìa sanh phiền não,
Muốn cho tất cả hiền,
Tất cả chớ sanh ác,
Thường ở núi Xà-dầu,
Các ác không nhóm họp.
Rắn hung hại ác độc,
Thường hại mạng chúng sanh,
Như lời chán thật này,
Đại Sư vô thương dạy.
Nay Ta tụng kệ này,*

^{56.} Bản Cao-ly: hữu lượng 有量 (lường được); Tống-Nguyễn-Minh: hữu úy 有畏 (dễ sợ).

*Lời Đại Sư chân thật,
Tất cả các ác độc,
Không thể hại thân ta.
Tham dục, sân, nhuế, si,
Ba độc của thế gian,
Như ba ác độc này,
Vĩnh trừ gọi Phật bảo.
Pháp bảo diệt các độc,
Tăng bảo cũng hoàn toàn,
Phá hoại ác hung độc,
Nhiếp thủ hộ người lành,
Phật phá tất cả độc,
Nay vì phá rắn độc,
Nên nói chú thuật này.*

Ô-đam-bà-lệ, đam-bà-lệ, đam-lục, ba-la-đam-lục, nại-tí, túc-nại-tí, chỉ-bat-tí, văn-na-di, tam-ma-di, đàn-đế, ni-la-chỉ-thí, bà-la-câu-bế-ô-lệ, ô-ngu-lệ, tất-bà-ha⁵⁷.

“Này Xá-lợi-phất, nếu lúc ấy thiện gia nam tử Ưu-ba-tiên-na mà đọc bài kệ này, tụng những câu này, thì chắc chắn rắn độc không rời trúng người và thân thể cũng không hủy hoại như đống trấu nát.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Ưu-ba-tiên-na chưa từng nghe bài kệ này, chưa từng nghe những câu chú thuật này. Hôm nay Thế Tôn mới nói nó, mục đích chính là vì đời sau.”

Sau khi nghe Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ, làm lễ rồi lui.

**
*

KINH 253. TỲ-NỮU CA-CHIÊN-DIÊN⁵⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Ưu-đà-di⁵⁹ đi qua nước Câu-tát-la, du hành

⁵⁷. Chưa tìm thấy gốc tiếng Phạm.

⁵⁸. Pāli, S. 35. 133. Verahaccāni.

⁵⁹. Ưu-đà-di 優陀彌. Pāli: Udāyi.

trong nhân gian, đến thôn Câu-bàn-trà⁶⁰, trú trong vườn Am-la của nữ Bà-la-môn dòng họ Tỳ-nữu Ca-chiên-diên.

Bấy giờ có những người đệ tử nhỏ tuổi của nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị⁶¹ đi nhặt củi trong vườn Am-la, thấy Tôn giả Uu-dà-di đang ngồi dưới bóng cây, tướng mạo đoan chánh, các căn vắng lặng, tâm ý an trụ, thành tựu sự điều phục bậc nhất; thấy vậy bèn đến chỗ ngài, cùng nhau thăm hỏi, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Tôn giả Uu-dà-di vì các thiếu nữ, bằng nhiều hình thức, thuyết pháp, khích lệ họ xong, rồi im lặng. Sau khi nghe Tôn giả dạy, các thiếu niên tùy hỷ hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Các thiếu nữ vác củi trở về chỗ nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị, đặt củi xuống đất, rồi đến chỗ nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị, thưa:

“Hòa thượng ni của chúng con biết cho, trong vườn Am-la có Sa-môn Uu-dà-di, dòng họ Cù-dàm đang ở nơi đó và nói pháp rất hay.”

Nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị bảo các thiếu nữ:

“Các con hãy đến đó mời Sa-môn Uu-dà-di, dòng họ Cù-dàm ngày mai đến đây dùng cơm.”

Bấy giờ, các đệ tử thiếu nữ vâng lời nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên đến chỗ Tôn giả Uu-dà-di bạch:

“Tôn giả biết cho, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên, Hòa thượng của chúng con, mời Tôn giả ngày mai đến dùng cơm.”

Bấy giờ, Uu-dà-di im lặng nhận lời. Các thiếu nữ biết Tôn giả Uu-dà-di đã nhận lời mời rồi, trở về chỗ nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên, thưa:

“Bạch Hòa thượng ni, chúng con đã vâng lời Hòa thượng ni mời Tôn giả Uu-dà-di và Tôn giả Uu-dà-di đã im lặng nhận lời mời rồi, xin Hòa-thượng-ni biết cho.”

Qua khỏi đêm, sáng hôm sau, Tôn giả Uu-dà-di đắp y mang bát đến nhà nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên. Nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu

^{60.} Câu-tát-la quốc, Câu-bàn-trà tụ lạc 拘薩羅國，拘磐茶聚樂 . Pāli: kāmaṇḍāyaṁ viharati todeyyassa brahmanassa ambavane, trú ở Kāmaṇḍā, trong vườn xoài của Bà-la-môn Todeyya.

^{61.} Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị Bà-la-môn ni 毗紐迦旃延氏婆羅門尼 . Pāli: verahaccānigottāya brāhmaṇiyā, của Bà-la-môn ni dòng họ Verahaccāni.

Ca-chiên-diên từ xa trông thấy Tôn giả Ưu-đà-di lại, vội vàng trải giường chõng mời ngồi; dọn các thứ đồ ăn thức uống ra, tự tay mình cung dường các món ngon đầy đủ. Sau khi ăn xong, rửa tay, rửa bát, rồi trở lại chõng ngồi. Bấy giờ, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên biết Tôn giả đã ăn xong, bà mang một đôi giày tốt, lấy vải phủ đầu, để riêng một cái ghế cao, tò vè khinh thường, ngạo mạn mà ngồi và nói với Tôn giả Ưu-đà-di:

“Tôi có điều muốn hỏi, ngài có rảnh để trả lời cho không?”

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

“Thưa chị, hôm nay không phải lúc.”

Nói như vậy xong, Tôn giả từ chõng đứng dậy ra đi. Sáng hôm sau các đệ tử lại đến vườn Am-la nhặt củi và nghe pháp và trở về lại bạch với Hòa thượng ni. Hòa thượng ni lại sai đi mời Tôn giả thọ trai. Ba lần như vậy đến thỉnh pháp, vẫn trả lời là chưa đúng lúc, mà không nói pháp. Các đệ tử thiếp niên lại bạch Hòa thượng ni:

“Ở trong vườn Am-la Sa-môn Ưu-đà-di nói pháp rất hay.”

Hòa thượng ni nói:

“Ta cũng biết là ông ấy nói pháp rất hay. Nhưng qua ba lần mời đến cung dường và hỏi pháp, luôn luôn bảo là chưa đúng lúc, không nói mà bỏ đi.”

Các đệ tử thưa:

“Hòa thượng ni mang giày tốt, dùng vải che đầu, ngồi không cung kính, thì Tôn giả này làm sao nói được. Vì sao? Vì Tôn giả Ưu-đà-di này rất cung kính pháp nên không nói mà bỏ đi.”

Hòa thượng ni bảo:

“Nếu như vậy thì nên vì ta mời lại Tôn giả đi.”

Các đệ tử vâng lời dạy, thỉnh cung dường trở lại như trước.

Bấy giờ, Hòa thượng ni biết Tôn giả đã ăn uống xong xuôi, bà ta liền cởi giày, sửa lại quần áo, ngồi xuống một chiếc ghế thấp, cung kính bạch:

“Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh mà trả lời cho không?”

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

“Hôm nay, chị cứ hỏi, tôi sẽ nói cho chị nghe.”

Cô ta liền hỏi:

“Có Sa-môn, Bà-la-môn nói: ‘Khổ vui là do mình tự tạo.’ Hoặc

lại có người nói: ‘Khổ vui là do người khác tạo.’ Hoặc lại có người nói: ‘Khổ vui là do tự mình tạo và người khác tạo.’ Hoặc có người nói: ‘Khổ vui chẳng phải do mình tạo cũng chẳng do người khác tạo⁶².’ Vậy theo Tôn giả thì thế nào?”

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

“Này chị, A-la-ha nói khổ vui phát sanh bằng cách khác, chứ không phải nói như vậy.”

Nữ Bà-la-môn lại hỏi:

“Nghĩa ấy như thế nào?”

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

“A-la-ha nói, từ nhân duyên các khổ và lạc sanh.”

Tôn giả Ưu-đà-di lại nói với nữ Bà-la-môn:

“Bây giờ tôi hỏi chị, tùy ý mà trả lời tôi. Ý chị nghĩ sao, có mất không?”

Đáp:

“Bạch có.”

“Có sắc không?”

Đáp:

“Bạch có.”

“Có nhẫn thức, nhẫn xúc và các cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc trong nội thân phát sanh bởi nhân duyên là nhẫn xúc không?”

Đáp:

“Bạch Tôn giả Ưu-đà-di, có như vậy.”

Tôn giả Ưu-đà-di lại hỏi:

“Có tai, mũi, lưỡi, thân, ý, các cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc trong nội thân phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc không?”

Đáp:

“Bạch Tôn giả Ưu-đà-di, có như vậy.”

Tôn giả Ưu-đà-di nói:

“Đó là điều mà các A-la-ha nói, từ nhân duyên khổ vui sanh.”

Nữ Bà-la-môn bạch Tôn giả Ưu-đà-di:

^{62.} Câu hỏi trong bản Pāli: kismim nu kho bhante arahanto sukhadukkham paññapenti, kismim asati arahanto sukhadukkham paññapenti, do cái gì tồn tại và cái gì không tồn tại, các A-la-hán tuyên bố về khổ và lạc?

“A-la-ha nói, từ nhân duyên khổ vui sanh, là như vậy chăng?”

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

“Nữ Bà-la-môn, đúng như vậy.”

Nữ Bà-la-môn lại hỏi:

“Bạch Sa-môn, A-la-ha nói như thế nào, từ nhân duyên khổ vui, không khổ không vui diệt?”

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

“Bây giờ tôi hỏi chị, cứ tùy ý mà trả lời tôi. Này nữ Bà-la-môn, khi tất cả mắt, tất cả thời, diệt không còn gì, bấy giờ còn tồn tại chăng các cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc trong nội thân phát sanh bởi nhân duyên là nhân xúc?”

Đáp:

“Bạch Sa-môn, không.”

“Cũng vậy, khi tai, mũi, lưỡi, thân, ý và tất cả thời cũng diệt tận vĩnh viễn không còn gì hết, thì bấy giờ còn tồn tại chăng các cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc trong nội thân phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc?”

“Bạch Sa-môn, không.”

“Như vậy, này nữ Bà-la-môn, đó là điều mà bậc A-la-ha nói, từ nhân duyên khổ vui, không khổ không vui diệt.”

Khi Tôn giả Ưu-đà-di nói pháp này, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên xa lìa trần cầu, được con mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên, thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, nhập pháp, vượt qua khỏi mọi nghi hoặc không do ai khác; thâm nhập vào giáo pháp của Phật, đối với pháp đạt được vô sở úy, từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, cung kính chắp tay bạch Tôn giả Ưu-đà-di:

“Hôm nay, con quyết định, ngay từ bây giờ con xin qui y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ nay cho đến suốt đời con xin quy y Tam bảo.”

Lúc bấy giờ Tôn giả Ưu-đà-di vì nữ Bà-la-môn nói pháp, soi sáng, chỉ bày, dạy bảo, làm cho vui vẻ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

KINH 254. NHỊ-THẬP-ỨC-NHĨ⁶³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà thành Vương xá. Bấy giờ có Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ⁶⁴ ở núi Kỳ-xà-quật, thường tinh tấn chuyên cần tu tập pháp Bồ-đề phần. Rồi Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ một mình lặng lẽ thiền tư và nghĩ rằng: “Ở trong hàng đệ tử Thanh văn tinh tấn chuyên cần của Đức Thế Tôn, thì ta có trong số đó. Nhưng hôm nay ta chưa diệt tận được các lậu. Ta là người thuộc dòng quý tộc, có nhiều của cải quý báu, nay thà hoàn tục để hưởng thọ ngũ dục, rồi làm phước, bố thí rộng rãi còn tốt hơn nhiều.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của Nhị-thập-ức-nhĩ nên bảo một Tỳ-kheo:

“Ngươi hãy đến chỗ Nhị-thập-ức-nhĩ bảo là Thế Tôn cho gọi.”

Tỳ-kheo này vâng lời Phật dạy đến chỗ Tỳ-kheo Nhị-thập-ức-nhĩ, nói rằng:

“Đức Thế Tôn cho gọi thầy.”

Nhị-thập-ức-nhĩ nghe Tỳ-kheo kia bảo là Đại Sư gọi, liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Nhị-thập-ức-nhĩ:

“Có thật ngươi ở một mình lặng lẽ thiền tư và nghĩ rằng: ‘Ở trong hàng Thanh văn đệ tử tinh tấn chuyên cần của Đức Thế Tôn, thì ta có trong số đó. Nhưng mãi đến hôm nay ta vẫn chưa diệt tận được các lậu. Ta là người thuộc dòng dõi quý tộc, có nhiều của cải quý báu, ta thà hoàn tục để hưởng thọ ngũ dục, rồi làm phước, bố thí rộng rãi.’ Có phải không?”

Khi ấy, Nhị-thập-ức-nhĩ nghĩ rằng: ‘Thế Tôn đã biết tâm ta.’ Vừa kinh ngạc vừa sợ hãi, lóng đứng đứng, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thật như vậy.”

Phật bảo Nhị-thập-ức-nhĩ:

⁶³. Pāli, A. 6. 55. Soṇa.

⁶⁴. Nhị-thập-ức-nhĩ 二十億耳. Pāli: Soṇa.

“Nay Ta hỏi ngươi, ngươi cứ theo ý mình mà trả lời cho Ta. Nay Nhị-thập-ức-nhĩ, khi ngươi còn ở ngoài đời, ngươi đàn hay lăm phải không?”

“Bạch, đúng vậy.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Theo ý ngươi thì thế nào, khi ngươi khảy đàn, nếu sợi dây của nó căng quá, thì âm thanh có hòa nhã và vi diệu không?”

“Bạch, không.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Thế nào, nếu sợi dây của nó chùng quá, thì âm thanh có phát ra hòa nhã và vi diệu không?”

“Bạch, không.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Thế nào, nếu biết điều chỉnh sợi dây đàn không căng quá cũng không chùng quá, thì sau đó mới phát ra âm thanh hòa nhã, vi diệu phải không?”

“Bạch Thế Tôn, đúng như vậy.”

Phật bảo Nhị-thập-ức-nhĩ:

“Người nào tinh tấn quá thì sẽ tăng thêm điệu hối, còn người thiếu tinh tấn quá thì sẽ sanh ra giải đãi. Cho nên, ngươi phải bình đẳng trong tu tập và nghiệp thọ, không đắm nhiễm, không buông lung, không chấp tướng.”

Sau khi được Thế Tôn dạy, Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ luôn luôn nghĩ về thí dụ cây đàn cầm của Đức Thế Tôn đã nói. Tôn giả một mình lặng lẽ thiền tư, như trên đã nói, cho đến các lậu được diệt hết, tâm được giải thoát, thành A-la-hán. Rồi Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ đạt được A-la-hán, bên trong có cảm giác hỷ lạc giải thoát và tự nghĩ: ‘Nay ta nên đến thăm viếng Đức Thế Tôn.’ Và Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ liền đến chỗ Phật, đánh lỗ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, trong pháp của Thế Tôn, đạt được A-la-hán, đoạn tận các lậu, việc cần làm đã làm xong, rời bỏ gánh nặng, đạt được mục đích của mình, dứt sạch các hữu kết, chánh trí tâm giải thoát.

Ngay lúc đó được sáu xứ giải thoát⁶⁵. Những gì sáu? Đó là: ly dục giải thoát, lìa nhuế giải thoát, viễn ly giải thoát, ái tận giải thoát, các thủ giải thoát, tâm không xao lãng giải thoát.

“Bạch Thế Tôn, nếu có người nào dựa vào một ít tín tâm mà bảo là ly dục⁶⁶ giải thoát, thì điều này không đúng. Đoạn tận tham, nhuế, si, đó mới gọi là chân thật ly dục giải thoát.

“Nếu có người nào lại chỉ dựa vào một ít việc trì giới mà bảo rằng ta được lìa nhuế giải thoát, thì điều này cũng không đúng. Đoạn tận tham, nhuế, si, đó mới gọi là chân thật giải thoát.

“Nếu có người nào lại chỉ dựa vào sự tu tập để có lợi dưỡng mà bảo là đã viễn ly⁶⁷ giải thoát, thì điều này cũng không đúng. Đoạn tận tham, nhuế, si, đó mới gọi là chân thật xa lìa được giải thoát.

“Đoạn tận được tham, nhuế, si, cũng gọi là lìa ái, cũng là lìa thủ, cũng gọi là lìa xao lãng⁶⁸ giải thoát.

“Như vậy, bạch Thế Tôn, nếu các Tỳ-kheo chưa được La-hán, chưa đoạn tận các lậu, thì đối với sáu xứ này không được giải thoát.

“Lại nếu có Tỳ-kheo nào, còn ở nơi học địa, chưa được Niết-bàn an lạc tăng thượng, mà tu tập hướng về an trụ tâm, bấy giờ thành tựu được học giới, thành tựu được học căn và sau đó lậu hoặc sẽ được đoạn hết, được vô lậu tâm giải thoát, cho đến... ‘tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Ngay lúc bấy giờ được vô học giới, được vô học các căn. Như đứa trẻ mới sinh ngu ngơ, còn nằm ngửa, sau đó một thời gian các căn của đứa bé mới được thành tựu và từ từ tăng trưởng; bấy giờ mới thành tựu được các căn của người lớn. Người còn ở tại học địa lại cũng như vậy, khi chưa được an lạc tăng thượng và cho đến, thành tựu vô học giới, vô học các căn.

⁶⁵. Giải thoát lục xứ 解脫六處 . Pāli: cha ṭhānāni adhimutto hoti: nekkhammādhimutto, pavivekādhimutto, avyāpajjādhimutto, taṇhakkhayādhimutto, upādānakkhayādhimutto, asammohādhimutto, sáu thắng giải xứ, hay sáu trường hợp quyết tâm: quyết tâm xuất gia, quyết tâm viễn ly (sống cô độc), quyết tâm không sân, quyết tâm đoạn tận ái, quyết tâm diệt tận thủ, quyết tâm vô si.

⁶⁶. Ly dục 離 欲 : ở đây chỉ xuất gia.

⁶⁷. Viễn ly 遠 離 , ở đây chỉ đời sống ẩn dật, xa lánh thế tục.

⁶⁸. Thất niệm 失 念 , tức quên mất chánh niệm. Trong bản Pāli: asammoha, không si.

“Nếu mắt thường phân biệt sắc, vẫn không hề phương hại tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì ý an trú chắc chắn, bên trong tu vô lượng thiện giải thoát và quán sát sanh diệt, cho đến vô thường. Tai phân biệt âm thanh, mũi phân biệt mùi hương, lưỡi phân biệt vị, thân phân biệt xúc chạm, ý phân biệt pháp trần, vẫn không hề phương hại tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì ý đã an trú chắc chắn, bên trong tu vô lượng thiện giải thoát, cùng quán sát sanh diệt. Như núi đá lớn ở gần thôn ấp, không chẻ đứt, không đập vỡ, không đục thủng nó được, vì núi đá dày đặc; giả sử như có gió bốn phương thổi đến thì cũng không làm cho nó lay động được, không thể xuyên thủng qua được. Người vô học kia cũng lại như vậy, mắt thường phân biệt sắc, cho đến ý thường phân biệt pháp trần, vẫn không hề phương hại tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì ý đã an trú chắc chắn, bên trong tu vô lượng thiện giải thoát, cùng quán sát sanh diệt.”

Bấy giờ, Nhị-thập-ức-nhĩ lập lại bằng bài kệ:

*Ly dục, tâm giải thoát,
Không nhuế thoát cũng vậy;
Viễn ly, tâm giải thoát,
Tham ái quyết không còn.
Tâm giải thoát các thủ,
Và ý không mất niệm,
Rõ ràng nhập xứ sanh,
Ở kia tâm giải thoát.
Người kia tâm giải thoát,
Tỳ-kheo ý dừng nghỉ,
Đã làm những gì cần,
Không còn việc để làm.
Giống như núi đá lớn,
Gió bốn phương không động,
Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Và những pháp tốt xấu,
Thường đối sáu nhập xứ,
Không lay động tâm mình,
Tâm thường trụ vững chắc,
Quán sát pháp sanh diệt.*

Khi Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ nói bài kệ này, tâm Đại Sư hoan hỷ. Các vị phạm hạnh có học nghe những gì Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ nói cũng đều rất hoan hỷ.

Khi Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ nghe Đức Phật nói pháp, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Sau khi biết Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ đi không lâu, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người có tâm khéo giải thoát, nên tuyên bố như vậy, giống như Nhị-thập-ức-nhĩ đã bằng trí tuệ mà tuyên bố, không phải tự cao, cũng không phải coi rẻ người, nói đúng nghĩa của nó, không phải như những người tăng thượng mạn, không đạt được nghĩa của nó, mà tự khen ngợi mình được pháp hơn người, để tự mình phải chuốc lấy tổn giảm.”

**

KINH 255. LỖ-HÊ-GIÀ⁶⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên trú tại hang A-luyện-nhã, trong thôn Di hầu, bên cạnh sông Thấp-ma-dà, nước A-bàn-dề⁷⁰. Có Bà-la-môn Lỗ-hê-giá⁷¹, cung kính phụng sự theo pháp của một La-hán.

Bấy giờ là sáng sớm, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đắp y mang bát vào thôn Di-hầu-thất, theo thứ tự khất thực, khất thực xong trở về, cất y bát, rửa chân rồi, vào thất ngồi thiền.

Khi ấy có các đệ tử thiếu niên của Bà-la-môn Lỗ-hê-giá đi nhặt củi, đến bên cạnh hang của Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cùng nhau cười đùa nói: “Có Sa-môn trọc đầu đang ở trong này. Ông là người đen đủi, chẳng phải là hạng người đáng tôn quý, nhưng Bà-la-môn

⁶⁹. Pāli, S. 35. 132. Lohicca.

⁷⁰. A-bàn-dề quốc, Thấp-ma-dà giang trắc, Di hầu thất A-luyện-nhã quật 阿磐提國濕摩陀江側獮猴室阿練若窟. Pāli: avanti su viharati makkarakata araññakuṭikāyaṁ, trú tại Avanti, ngoài thị trấn Makkarakata (bản Hán đọc là Makkarakuṭikā), tại một thao am trong khu rừng vắng (Pāli: araññakuṭikāyaṁ, bản Hán đọc là arññakūṭāyaṁ).

⁷¹. Lỗ-hê-giá 魯醯遮. Pāli: Lohicca.

Lõ-hê-giá lại tôn trọng cúng dường, đúng như pháp La-hán?" Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo các thiếu niên:

"Này các cậu trẻ, các cậu chờ làm ôn!"

Các thiếu niên này trả lời:

"Chúng con không dám nói nữa."

Qua ba lần như vậy, chúng vẫn nói mãi. Lúc này Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên phải ra ngoài cửa nói với các thiếu niên:

"Này các cậu trẻ, các cậu đừng làm ôn nữa. Bây giờ, ta sẽ vì các cậu mà nói pháp, các cậu hãy lắng nghe."

Các thiếu niên nói:

"Vâng ạ, xin ngài giảng pháp cho, chúng con sẽ lắng nghe và lãnh thọ."

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên liền nói bài kệ:

*Bà-la-môn xưa kia,
Tu tập giới thắng diệu,
Được sanh trí túc mạng,
An vui thiền chân thật,
Thường ở trong từ bi,
Đóng hết cửa các căn,
Điều phục lỗi về miệng,
Xưa kia hành như vậy.
Bỏ gốc hành chân thật,
Mà giữ việc hư dối,
Giữ tộc tánh buông lung,
Theo căn duyên sáu cảnh,
Đói khát ở gò mả,
Tắm ba (lần), tụng ba kinh,
Không giữ gìn cửa căn,
Giống như mộng được báu.
Bện tóc, khoác áo da,
Giới trộm, mình trét tro,
Áo thô dùng che hình,
Chống gậy mang bình nước,
Giả hình Bà-la-môn,
Vì tìm cầu lợi dưỡng.*

*Khéo nghiệp hộ thân mình,
Lắng sạch lìa trần cẩu,
Không nāo hại chúng sanh,
Là đạo Bà-la-môn.*

Bấy giờ, các thiếu niên Bà-la-môn, lòng sân hận không vui, bảo Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên là đã hủy báng kinh điển họ, hủy hoại những gì kinh điển đã nói và nhục mạ Bà-la-môn, rồi ôm củi trở về chỗ Bà-la-môn Lỗ-hê-giá, tâu lại với Bà-la-môn Lỗ-hê-giá rằng:

“Hòa thượng biết không, ông Ma-ha Ca-chiên-diên phỉ báng kinh điển ta, dùng lời lẽ chê bai, mạ nhục Bà-la-môn.”

Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói với các thiếu niên:

“Các con chờ nói những lời như vậy. Vì sao? Vì ngài Ma-ha Ca-chiên-diên giữ trọng giới đức, không lý lại đã hủy báng kinh điển ta, dùng lời lẽ chê bai, mạ nhục Bà-la-môn?”

Các thiếu niên bạch:

“Nếu Hòa thượng không tin những lời của chúng con, thì nên tự mình đến đó xem sao?”

Khi ấy Bà-la-môn Lỗ-hê-giá không tin những lời nói của các thiếu niên, liền đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cùng nhau thăm hỏi sức khỏe rồi, ngồi lui qua một bên, bạch với ngài Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Các đệ tử thiếu niên của tôi có đến đây không?”

Đáp:

“Có đến đây.”

“Ngài có nói chuyện ít nhiều gì với chúng không?”

Đáp:

“Có cùng với chúng nói chuyện.”

Bà-la-môn Lỗ-hê-giá bạch:

“Ngài đã cùng với các thiếu niên nói chuyện, vậy nay ngài có thể vì tôi mà nói lại hết mọi chuyện.”

Ngài Ma-ha Ca-chiên-diên liền kể lại đầy đủ câu chuyện.

Khi ấy, Bà-la-môn Lỗ-hê-giá cũng nổi sân khuếch, tâm không vui, nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Trước đây, tôi không tin những lời của bọn trẻ, nhưng bây giờ

thì đích thật là ngài đã phỉ báng kinh điển tôi, nói những lời lẽ chê bai và mạ nhục Bà-la-môn.”

Ngừng một lát, ông lại nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Nhân giả đã nói về cửa. Vậy cái gì là cửa?”

Ma-ha Ca-chiên-diên nói:

“Lành thay, lành thay, Bà-la-môn! Điều ông hỏi là đúng pháp. Nay tôi sẽ vì ông mà nói về cửa. Nay Bà-la-môn, mắt là cửa, vì nó thấy sắc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là cửa, vì nó nhận thức pháp.”

Bà-la-môn nói:

“Kỳ diệu thay, ngài Ma-ha Ca-chiên-diên! Tôi hỏi về cửa thì ngài liền nói về cửa. Như những gì ngài đã nói, không giữ gìn cửa. Vậy thế nào là không giữ gìn cửa?”

Ngài Ma-ha Ca-chiên-diên nói:

“Lành thay, lành thay, Bà-la-môn! Ông đã hỏi về việc không giữ gìn cửa, là câu hỏi đúng pháp. Bây giờ tôi sẽ ông nói về việc không giữ gìn cửa. Nay Bà-la-môn, kẻ phàm phu ngu si không học, khi mất thấy sắc rồi, nếu là sắc đáng nhớ thì khởi tâm duyên vào đắm nhiễm; nếu là sắc không đáng nhớ thì khởi tâm sân nhuế, không an trú vào thân niệm xứ, nên đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, không biết như thật, ở nơi đó khởi lên các thứ pháp ác bất thiện, không đạt được Vô dư Niết-bàn, đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát có phương hại, không được đầy đủ. Vì tâm giải thoát, tuệ giải thoát không đầy đủ, nên thân đầy đầy những ác hạnh, không dừng nghỉ, tâm không được tịch tĩnh. Vì nó không tịch tĩnh nên đối với các căn nó không điều phục, không giữ gìn, không tu tập. Như mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp cũng lại như vậy.”

Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói:

“Kỳ diệu thay, kỳ diệu thay, ngài Ma-ha Ca-chiên-diên! Tôi hỏi về việc không giữ gìn cửa, thì ngài liền vì tôi nói về việc không giữ gìn cửa. Vậy, bạch ngài Ma-ha Ca-chiên-diên, thế nào gọi là việc khéo giữ gìn cửa?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói với Bà-la-môn:

“Lành thay! Lành thay! Ông đã hỏi tôi về việc khéo giữ gìn cửa. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Tôi sẽ vì ông mà nói về nghĩa

khéo giữ gìn. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật khi mắt thấy sắc rồi, đối với sắc đáng nhớ thì không khởi lên tâm duyên vào đắm nhiễm; đối với sắc không đáng nhớ, thì không khởi lên tâm sân nhuế, thường nghiệp tâm mình, an trụ vào thân niệm xứ, vô lượng tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Những pháp ác bất thiện khởi lên ở nơi đó, thì hoàn toàn dứt bặt, đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát thì được đầy đủ. Do đã giải thoát đầy đủ rồi nên những ác hạnh của thân xúc tất cả đều được dừng nghỉ, tâm đạt được chánh niệm. Đó gọi là cửa đầu tiên của việc khéo điều phục giữ gìn trong lúc tu tập. Như mắt và sắc, đối với tai và âm thanh, mũi và mùi hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp lại cũng như vậy.”

Bà-la-môn Lõ-hê-giá nói:

“Kỳ diệu thay, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên! Tôi hỏi về nghĩa giữ gìn cửa, ngài liền vì tôi nói về nghĩa giữ gìn cửa. Giống như người tìm cổ thuốc độc mà lại được cam lộ; nay tôi cũng như vậy, ôm lòng sân nhuế đến ngồi nơi đây, mà lại được ngài dùng mưa pháp rưới lên thân tôi như mưa cam lộ. Bạch Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, tôi đang bận nhiều công việc tại nhà, xin phép ngài tôi cáo từ.”

Tôn giả Ma ha Ca-chiên-diên nói:

“Bà-la-môn, nên biết đúng thời.”

Sau khi nghe những gì Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, Bà-la-môn hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.



TẠP A-HÀM QUYỂN 10

KINH 256. VÔ MINH (1)¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ở tại núi Kỳ-xà-quật. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng chào hỏi và nói những lời tốt đẹp làm hài lòng, rồi ngồi qua một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Tôi có những việc muốn hỏi, Nhân giả có rảnh thì giờ vì tôi mà nói cho không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Gọi là vô minh, vậy thế nào là vô minh? Ai có vô minh này?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Vô minh là không biết², không biết tức là vô minh. Không biết những gì? Sắc là vô thường, mà không biết như thật sắc là vô thường. Sắc là pháp ma diệt mà không biết như thật sắc là pháp ma diệt³. Sắc là pháp sanh diệt mà không biết như thật sắc là pháp sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường mà không biết như thật thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường. Thức là pháp ma diệt mà không biết như thật thức là pháp ma diệt; thức là pháp sanh diệt mà không biết như thật thức là pháp sanh diệt. Này Ma-ha Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm

¹. Đại Chánh, quyển 10. Theo bài kệ tóm tắt ở cuối kinh 262 quyển 10, thì các kinh từ số 256-262 là tiếp theo kinh Thủ-lũ-na (Đại Chánh, kinh 32). Trưởng lão Ấn Thuận, *Tạp A-hàm Kinh Luận Hội Biên*, đưa các kinh này lên quyển 2 (Tụng 1, 1 Tương ứng Ấm) cho đúng với kệ tóm tắt. *Phật Quang Đại Tạng, Quốc Dịch Nhất Thiết Kinh* (Nhật bản) cũng làm như vậy. Kinh 256, tương đương Pāli, S. 22. 126-128. Amudayadhamma, 129-130. Assāda.

². Hán: bất tri 不 知. Pāli: nappajānati, không nhận thức sâu sắc.

³. Pāli: samudayadhammaṃ rūpam— vayadhammaṃ rūpam, sắc là pháp tập khởi, là pháp băng hoại.

này mà không thấy, không biết như thật, không có vô gián đắng⁴, ngu si, mờ tối, không sáng tỏ, thì gọi là vô minh. Ai thành tựu những điều này gọi là vô minh.”

Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Gọi là minh, vậy thế nào là minh? Ai có minh này?”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

“Minh là biết; biết gọi là minh.”

Lại hỏi:

“Biết những gì?”

Đáp:

“Sắc là vô thường; biết như thật sắc là vô thường. Sắc là pháp ma diệt, biết như thật sắc là pháp ma diệt. Sắc là pháp sanh diệt, biết như thật sắc là pháp sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, biết như thật thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Thức là pháp ma diệt, biết như thật thức là pháp ma diệt. Thức là pháp sanh diệt, biết như thật thức là pháp sanh diệt. Này Tôn giả Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, như thật biết, thấy, sáng tỏ, có giác, có tuệ, có vô gián đắng, đó gọi là minh. Ai thành tựu những điều này thì gọi là người có minh.”

Sau khi hai vị Chánh sĩ này, mỗi người nghe những điều được nói, tùy hỷ lẩn nhau, từ chỗ ngồi đứng dậy về chỗ ở của mình.

**
*

KINH 257. VÔ MINH (2)⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ở tại núi Kỳ-xà-quật. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng chào hỏi và nói những lời tốt đẹp làm hài lòng, rồi ngồi qua một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

⁴. Vô gián đắng 無 瞞 等: Xem cht.67, kinh 23 trên; kinh 259, 260 dưới.

⁵. Pāli, S.22. 133-135. Koṭṭhika.

“Tôi có những việc muốn hỏi, Nhân giả có rảnh thì giờ vì tôi mà nói cho không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Gọi là vô minh, vậy thế nào là vô minh? Ai có vô minh này?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Vô minh là không biết; không biết tức là vô minh. Không biết những gì? Không biết như thật về sắc; không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc. Không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; không biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Này Ma-ha Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, mà không biết như thật, không biết, không thấy, không có vô gián đẳng, ngu si, mờ tối, thì gọi là vô minh. Ai thành tựu những điều này, gọi là vô minh.

Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Thế nào là minh? Ai có minh này?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Gọi minh là biết, biết tức là minh.”

Lại hỏi:

“Biết những gì?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Biết như thật về sắc; biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về con đường đưa đến sự đoạn tận của sắc. Biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Này Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, như thật biết, thấy, sáng tỏ, có giác, có tuệ, có vô gián đẳng, thì đó gọi là minh. Ai thành tựu những điều này thì gọi là người có minh.”

Sau khi hai vị Chánh sĩ này, mỗi người nghe những điều được nói, tùy hỷ lẩn nhau, từ chỗ ngồi đứng dậy về chỗ ở của mình.

KINH 258. VÔ MINH (3)⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-dà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ở tại núi Kỳ-xà-quật. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng chào hỏi và nói những lời tốt đẹp làm hài lòng, rồi ngồi qua một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Tôi có những việc muốn hỏi, Nhân giả có rảnh thì giờ vì tôi mà nói cho không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Gọi là vô minh, vậy thế nào là vô minh? Ai có vô minh này?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Không biết là vô minh.

“Không biết những gì?”

“Không biết như thật về sắc. Không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức. Không biết như thật về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, về sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức, về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức, về sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức, về sự xuất ly của thọ, tưởng, hành, thức. Này Ma-ha Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, mà không biết như thật, không thấy như thật, không có vô gián đẳng, mờ tối, hay ngu si, thì gọi là vô minh. Ai thành tựu những điều này, thì gọi là vô minh.”

Lại hỏi:

“Gọi là minh, vậy thế nào là minh? Ai có minh này?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Biết tức là minh.

Lại hỏi:

“Biết những gì?”

⁶. Pāli, S. 22. 131-134. Samudaya.

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Biết như thật về sắc; biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, về sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức, về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức, về sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức, về sự xuất ly của thọ, tưởng, hành, thức. Nay Câu-hi-la, đối với năm thọ ám này, biết như thật, thấy như thật, sáng tỏ, có giác, có quán, có vô gián đẳng, thì đó gọi là minh. Ai thành tựu những điều này thì gọi là người có minh.”

Sau khi hai vị Chánh sĩ này, mỗi người nghe những điều được nói, tùy hỷ lẫn nhau, từ chỗ ngồi đứng dậy về chỗ ở của mình.

**

KINH 259. VÔ GIÁN ĐẲNG⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ở tại núi Kỳ-xà-quật. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng chào hỏi và nói những lời tốt đẹp làm hài lòng, rồi ngồi qua một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Tôi có những việc muốn hỏi, Nhân giả có rảnh thì giờ vì tôi mà nói cho không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Nếu có Tỳ-kheo nào, chưa đạt được pháp vô gián đẳng⁸ mà muốn cầu pháp vô gián đẳng, thì phải dùng phương tiện nào mà tìm cầu; phải tư duy những pháp nào⁹? ”

- - -

⁷. Pāli, S. 22. 122. Sīla.

⁸. Vô gián đẳng 無間等, đây chỉ hiện quán Thánh đế (Pāli: sacca-abhisamaya). Xem cht.67, kinh 23.

⁹. S. 22.122, Koṭṭhika hỏi: sīlavātavuso sāriputta bhikkhunā katame dhammā yoniso manasikātabbā, Tỳ-kheo có giới cần tư duy như lý về những pháp nào?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Nếu có Tỳ-kheo nào, chưa đạt được pháp vô gián đặng, mà muốn tìm cầu pháp vô gián đặng, thì phải tinh cần tư duy, năm thọ ấm là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì đó là chỗ cần tư duy¹⁰. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm thọ ấm này mà tinh cần tư duy, thì sẽ chứng được quả Tu-dà-hoàn.”

Lại hỏi:

“Xá-lợi-phất, khi đã chứng được quả Tu-dà-hoàn rồi, mà muốn chứng được quả Tư-dà-hàm, thì phải tư duy những pháp nào¹¹? ”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Câu-hi-la, khi đã chứng được quả Tu-dà-hoàn rồi, mà muốn chứng được quả Tư-dà-hàm, thì cũng phải tinh cần tư duy năm thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì đây là chỗ cần tư duy. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm thọ ấm này mà tinh cần tư duy, thì sẽ chứng được quả Tư-dà-hàm.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la lại hỏi:

“Xá-lợi-phất, khi đã chứng được quả Tư-dà-hàm rồi, mà muốn chứng được quả A-na-hàm, thì phải tư duy những pháp nào?”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Câu-hi-la, khi đã chứng được quả Tư-dà-hàm rồi, mà muốn chứng được quả A-na-hàm, thì phải tinh cần tư duy năm pháp thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì đây là chỗ cần tư duy. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm thọ ấm này mà tinh cần tư duy, thì cũng sẽ chứng được quả A-na-hàm. Sau khi đã chứng được quả A-na-hàm, mà muốn chứng được quả A-la-hán, cần phải tinh tấn tư duy về năm pháp thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì đây là chỗ cần tư duy. Nếu Tỳ-kheo

^{10.} Thị sở ưng xứ 是 所 應 處. Pāli: yoniso manasi katabbā, cần phải tư duy một cách như lý.

^{11.} Pāli, Koṭṭhika hỏi: sotāpannena... bhikkhunā katame dhammā yoniso katabbā, Tỳ-kheo đã chứng quả Dự lưu cần tư duy như lý những pháp nào?

nào, đối với năm thọ ấm này mà tinh cần tư duy, thì cũng sẽ chứng được quả A-la-hán.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hì-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Xá-lợi-phất, khi đã chứng được quả A-la-hán rồi, thì còn phải tư duy những pháp nào nữa?”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Ma-ha Câu-hì-la, A-la-hán lại cũng tư duy năm thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì để được điều chưa được, để chứng pháp chưa chứng, để có hiện pháp lạc trú¹².

Hai vị Chánh sĩ nghe lẫn nhau những điều được nói, hoan hỷ ra về.

**
*

KINH 260. DIỆT

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng thăm hỏi nhau, rồi ngồi qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-nan:

“Tôi có điều muốn hỏi, Nhân giả có rảnh mà giải đáp cho không?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Nhân giả cứ hỏi, nếu tôi biết tôi sẽ trả lời.”

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

“A-nan, gọi là diệt. Thế nào là diệt? Ai có diệt này?”

Tôn giả A-nan nói:

¹². Bốn tư duy thăng tiến: 1. Để đắc pháp chưa đắc, chỉ quả Tu-đà-hoàn; 2. Lãnh hội pháp chưa lãnh hội, chỉ Tu-đà-hàm; 3. Chứng pháp chưa chứng, chỉ A-la-hán; 4. Hiện pháp lạc trú: A-la-hán không còn gì phải học nữa, nhưng luôn luôn tu tập từ thiền để có hiện pháp lạc trú. So sánh Pāli: *ime dhammā bhāvitā bahulikatā ditthadhammasukhavihārā ceva samvuattanti satisampajaññā cāti*, những pháp này được phát triển, được thực hiện thường xuyên sẽ đưa đến hiện pháp lạc trú, có chánh niệm và chánh trí.

“Xá-lợi-phất, năm thọ ấm là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt.¹³ Pháp này diệt nên nói là diệt. Những gì là năm? Sắc thọ ấm là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Đúng vậy! Đúng vậy! A-nan, như những gì Nhân giả đã nói, năm thọ ấm này là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt. Những gì là năm? Sắc thọ ấm là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt.

“Này A-nan, năm thọ ấm này, nếu không phải là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, làm sao có thể bị diệt? Ngày A-nan, vì năm thọ ấm là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt.

Hai vị Chánh sĩ nghe lẫn nhau những điều được nói, hoan hỷ ra về.

**

KINH 261. PHÚ-LUÙ-NA¹⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả A-nan ở trong vườn Cù-sư-la tại nước Câu-

^{13.} Pāli: rūpam nu kho ānanda aniccam sankhatam paṭiccasamuppadam khayadhammaṃ vayadhammaṃ virāgadhammaṃ nirodhadhammaṃ, sắc là vô thường, được tạo tác, do duyên khởi, là pháp diệt tận, là pháp hủy hoại, là pháp xả ly, là pháp tiêu diệt.

^{14.} Pāli, S. 22. 83. Ānando.

diệm-di¹⁵, bấy giờ Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo:

“Tôn giả Phú-lưu-na Di-đa-la-ni Tử¹⁶, khi tuổi niên thiếu, mới xuất gia¹⁷, thì thường hay nói pháp sâu xa như vậy:

“A-nan, đối với pháp đã sanh khởi mà chấp là ngã, chứ không phải pháp không sanh khởi. A-nan, thế nào là đối với pháp đã sanh khởi mà chấp là ta, chứ không phải pháp không sanh khởi¹⁸? Sắc sanh khởi¹⁹, sanh khởi là ta chứ không phải không sanh. Thọ, tưởng, hành, thức sanh khởi, sanh khởi là ta, chứ không phải không sanh. Giống như người tay cầm tấm gương sáng, hay dùng mặt nước trong, tự nhìn vào xem thấy mặt mình sanh ra. Vì có sanh nên thấy, chứ không phải không sanh²⁰. Cho nên, A-nan, sắc sanh khởi, vì có sanh khởi nên chấp là ngã, chứ không phải không sanh khởi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức sanh khởi, vì có sanh khởi nên chấp là ngã, chứ chẳng phải không sanh khởi. Thế nào A-nan, sắc là thường hay vô thường?

“Đáp:

“Là vô thường.”

Lại hỏi:

“Vô thường là khổ phải không?”

Đáp:

“Là khổ.”

Lại hỏi:

“Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, vậy thì Thánh đệ tử ở

¹⁵. Câu-diệm-di quốc Cù-sư-la viên 拘 眇 彌 國 罪 師 羅 園. Pāli: Kosambī Ghositārāma.

¹⁶. Phú-lưu-na Di-đa-la-ni Tử 富 留 那 彌 多 羅 尼 子. Pāli: Puṇṇa Mantā.

¹⁷. Văn Hán dịch hàm hồ, khiến có thể hiểu đây nói về Phú-lưu-na. Bản Pāli: (...) mantāniputto amhākārañ navāñ bahūpakāro hoti, Mantāputta giúp ích chúng tôi những người mới xuất gia rất nhiều.

¹⁸. Sanh pháp kế thị ngã, phi bất sanh 生 法 計 是 我 非 不 生. Pāli: kiñ ca upādāya asmi ti hoti, no anupādāya, do chấp thủ cái gì mà nói rằng 'tôi hiện hữu,' chứ không phải không chấp thủ? Bản Hán, đọc là uppādāya (sanh khởi), thay vì upādāya (chấp thủ).

¹⁹. Hán: sắc sanh 色 生. Pāli: rūpañ upādāya, do chấp thủ sắc. Xem cht. trên.

²⁰. Pāli: (...) upādāya passeyya no anupādāya, (như người nhìn vào gương sáng), do chấp thủ mà thấy, không chấp thủ thì không thấy.

trong đó có chấp ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Thưa không."

Lại hỏi:

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Là vô thường."

Lại hỏi:

"Vậy, vô thường là khổ phải không?"

Đáp:

"Là khổ."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, vậy thì là đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có chấp ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Thưa không."

"A-nan, cho nên đối với sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, không khác ngã, chẳng ở trong nhau. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Cần phải biết như thật, quán sát như thật. Quán sát như vậy rồi, Thánh đệ tử đối với sắc sẽ sanh ra nhảm chán, xa lìa dục, giải thoát: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh ra nhảm chán, xa lìa dục, giải thoát: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Các Tỳ-kheo nên biết, vị Tôn giả này đối với tôi có rất nhiều lợi ích. Tôi nghe những gì từ Tôn giả ấy rồi, liền xa lìa trần cẩu, được mắt pháp thanh tịnh. Từ đó tới nay, tôi thường thuyết pháp này cho bốn chúng, chứ không thuyết cho các người ngoại đạo xuất gia, Sa-môn, Bà-la-môn."

KINH 262. XIỂN-ĐÀ²¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, số đông Tỳ-kheo Thượng tọa, trú ở Tiên nhân đọa xứ, trong vườn Lộc dã, nước Ba-la-nại²². Phật vào Niết-bàn không bao lâu.

Bấy giờ, vào sáng sớm, trưởng lão Xiển-đà²³ đắp y mang bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Ăn xong, thu dọn y bát, rửa chân, rồi cầm chìa khóa cửa, đi từ rừng này đến rừng khác, từ phòng này đến phòng khác, từ chỗ kinh hành này đến chỗ kinh hành khác, chỗ nào cũng yêu cầu các Tỳ-kheo:

“Xin chỉ dạy tôi, nói pháp cho tôi, để cho tôi biết pháp, thấy pháp và tôi sẽ biết như pháp và quán như pháp²⁴.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Xiển-đà:

“Sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Tất cả các hành đều vô thường. Tất cả các pháp đều vô ngã. Niết-bàn tịch diệt²⁵.

Xiển-đà thưa các Tỳ-kheo:

“Tôi đã biết sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Tất cả các hành đều vô thường. Tất cả các pháp đều vô ngã. Niết-bàn tịch diệt.”

Xiển-đà lại thưa:

“Nhưng tôi không thích nghe tất cả các hành đều không tịch, bất khả đắc, ly dục, ái tận, Niết-bàn²⁶. Ở trong đó làm sao có ngã mà nói là biết như vậy, thấy như vậy, đó gọi là thấy pháp?”

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Xiển-đà lại thưa:

²¹. Pāli, S. 22. 90. Channo.

²². Ba-la-nại quốc, Tiên nhân đọa xứ, Lộc dã uyển 波羅捺國仙人墮處鹿野苑: Pāli: Bāraṇasiyam Isipatane Mīgadāye.

²³. Xiển-đà 閻陀 . Pāli: Channo; cũng thường gọi là Xa-nặc.

²⁴. Pāli: yathāham dhammam passeyyan ti, tôi có thể như vậy mà quán sát pháp.

²⁵. Pāli: sabbe saṅkhārā anicca, sabbe dhammā anattā, không có câu chót như trong bản Hán.

²⁶. Pāli: atha ca me sabbasaṅkhārasamathe sabbūpadhipatiṇissage taṇhakkhave virāge nirodhe nibbāne cittam na pakkandati nappasīdati na satiṭṭhati nādhimuccati, nhưng, trong sự tĩnh chỉ của hết thấy hành, trong sự xả bỏ sanh y, trong sự diệt tận tham ái, trong ly dục, tịch diệt, Niết-bàn, tâm của tôi không thăng tiến, không minh tịnh, không an trú, không được thăng giải thoát.

“Ở đây, vị nào có khả năng nói pháp cho tôi, khiến tôi biết pháp, thấy pháp?”

Xiển-đà lại nghĩ: “Tôn giả A-nan, hiện nay đang ở trong vườn Cù-sư-la nước Câu-diệm-di, đã từng cúng dường gần gũi Đức Thế Tôn và được Phật khen ngợi; những bậc Phạm hạnh tất cả đều biết rõ. Tôn giả ắt có thể vì ta mà nói pháp, khiến cho ta biết pháp, thấy pháp.”

Buổi sáng sớm hôm sau, Xiển-đà đắp y mang bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Ăn xong, thu cất ngoạ cụ, rồi mang y bát đến nước Câu-diệm-di. Người lần hồi du hành đến nước Câu-diệm-di. Sau khi thu cất y bát và rửa chân xong, liền đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau thăm hỏi và ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Xiển-đà thưa Tôn giả A-nan:

“Một thời, các Tỳ-kheo Thượng tọa, trú ở Tiên nhân đọa xứ, trong vườn Lộc dã, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, vào sáng sớm, tôi đắp y mang bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Ăn xong, thu dọn y bát, rửa chân, rồi cầm chìa khóa cửa, đi từ rừng này đến rừng khác, từ phòng này đến phòng khác, từ chỗ kinh hành này đến chỗ kinh hành khác, chỗ nào cũng yêu cầu các Tỳ-kheo: ‘Xin chỉ dạy tôi, nói pháp cho tôi, để cho tôi biết pháp, thấy pháp và tôi sẽ biết như pháp và quán như pháp.’ Khi ấy, các Tỳ-kheo nói pháp cho tôi rằng: ‘Sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Tất cả các hành đều vô thường. Tất cả các pháp đều vô ngã. Niết-bàn tịch diệt.’ Tôi bấy giờ thưa các Tỳ-kheo: ‘Tôi đã biết sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Tất cả các hành đều vô thường. Tất cả các pháp đều vô ngã. Niết-bàn tịch diệt. Nhưng tôi không thích nghe tất cả các hành đều không tịch, bất khả đắc, ly dục, ái tận, Niết-bàn. Ở trong đó làm sao có ngã mà nói là biết như vậy, thấy như vậy, đó gọi là thấy pháp?’ Rồi suy nghĩ như vậy: ‘Ở đây, vị nào có khả năng nói pháp cho tôi, khiến tôi biết pháp, thấy pháp?’ Tôi lại nghĩ: ‘Tôn giả A-nan, hiện nay đang ở trong vườn Cù-sư-la nước Câu-diệm-di, đã từng cúng dường gần gũi Đức Thế Tôn và được Phật khen ngợi; những bậc Phạm hạnh tất cả đều biết rõ. Tôn giả ắt có thể vì ta mà nói pháp, khiến cho ta biết pháp, thấy pháp.’

“Lành thay, Tôn giả A-nan, nay hãy nói pháp cho tôi, khiến tôi biết pháp, thấy pháp.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Xiển-đà:

“Lành thay! Xiển-đà, tôi rất hoan hỷ. Tôi chúc mừng Nhân giả, có thể đối trước người phạm hạnh không che giấu, phá bỏ gai nhọn giả dối. Nay Xiển-đà, kẻ phàm phu ngu si không có thể hiểu sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường; tất cả các hành đều là vô thường, tất cả các pháp đều là vô ngã, Niết-bàn là tịch diệt. Nay ngươi có thể nhận lãnh pháp vi diệu hơn hết này. Thầy hãy lắng nghe. Tôi sẽ vì ngươi mà nói.”

Lúc này, Xiển-đà tự nghĩ: “Nay ta rất vui mừng, có được cái tâm thù thắng vi diệu, được tâm phán khởi hoan hỷ. Nay ta có thể nhận lãnh được pháp vi diệu thù thắng này.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Xiển-đà:

“Chính tôi đã từng trực tiếp nghe từ Đức Phật dạy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: ‘Người đời đên đảo nương chấp vào hai bên: hoặc là hữu, hoặc là vô²⁷. Người đời thủ các cảnh giới, tâm liền phân biệt chấp trước²⁸. Nay Ca-chiên-diên, nếu không thọ, không thủ, không trụ, không phân biệt chấp trước ngã; khổ này khi sanh thì sanh, khi diệt thì diệt²⁹. Nay Ca-chiên-diên, đối với điều đó không nghi ngờ, không mê hoặc, không do ai khác mà tự mình biết, đó gọi là chánh kiến mà Đức Như Lai đã giảng nói. Vì sao? Nay Ca-chiên-diên, vì nếu quán sát như thật về sự tập khởi của thế gian, sẽ không sanh ra kiến chấp thế gian là vô. Quán sát như thật về sự diệt tận của thế gian, sẽ không sanh ra kiến chấp thế gian là hữu³⁰. Nay Ca-chiên-diên, Như Lai đã xa lìa hai bên, thuyết ở Trung đạo, rằng: cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh; nghĩa là duyên vô minh nên có hành và, cho đến sự

²⁷. Hữu vô 有 無. Pāli: atthitā natthitā, tồn tại, không tồn tại, hay hữu thể và vô thể.

²⁸. Pāli: upayupādānābhivinisesavinibandho, bị buộc chặt vào thành kiến và chấp thủ phương tiện.

²⁹. Pāli: dukkham eva uppajjamānaṃ uppajjati, dukkham nirujjhamaṇaṃ nirujjhati, na ka ḥkhati na vicikicchatī, khi có cái đang sanh thì khổ này sanh; khi có cái đang diệt thì khổ diệt; vị ấy không hoài nghi, không do dự.

³⁰. Pāli: lokasamudayaṃ kho kaccāna yathābhūtaṃ sammappaññāya passato yā loke natthitā sā na hotī; lokanirodhaṃ... yā loke atthitā sā na hotī, nếu bằng trí tuệ chân chánh mà quán sát như thực sự tập khởi của thế gian, thì đối với thế gian, không có ý niệm về vô. Quán sát sự tịch diệt của thế gian... không có ý niệm về hữu.

tập khởi của sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nã. Và rằng, cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt; có nghĩa là vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sự diệt tận của sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nã.”

Khi Tôn giả A-nan nói kinh này xong, thì Tỳ-kheo Xiển-dà xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Khi Tỳ-kheo Xiển-dà đã thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, khởi pháp, vượt qua khỏi mọi sự hồ nghi, không do ai khác, đối với giáo pháp của Bậc Đại Sư, đạt được vô sở úy; rồi cung kính chắp tay bạch Tôn giả A-nan:

“Cần phải như vậy, bậc trí tuệ Phạm hạnh, thiện tri thức, như vậy giáo thọ, giáo giới, nói pháp. Hôm nay tôi từ chối Tôn giả A-nan nghe pháp như vậy: ‘Tất cả hành đều không, đều tịch diệt, bất khả đắc, ái tận, ly dục, diệt tận, Niết-bàn, tâm an vui, hoàn toàn an trụ giải thoát, không còn quay lại, không còn thấy ngã, chỉ thấy chánh pháp.’”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Xiển-dà:

“Nay, thầy đã được cái lợi tốt nhất, ở trong pháp Phật sâu xa đã đạt được tuệ nhän của bậc Thánh.”

Lúc này hai vị Chánh sĩ tùy hỷ lẫn nhau, từ chối ngồi đứng dậy, họ trở về chỗ ở của mình.

Bài kê tóm tắt:

*Ba kinh Thâu-lū-na,
Vô minh cũng có ba,
Vô gián đẳng và diệt,
Phú-luu-na, Xiển-dà.*

**
*

KINH 263. ỦNG THUYẾT³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong xóm Tập sắc mục ngưu³², ở nước Câu-lưu³³.

³¹. Pāli, S. 22. 101. Vāsijaṭa.

³². Tập sắc mục ngưu tụ lạc 雜色牧牛聚落; nghĩa đen: xóm nuôi bò vận (đốm). Dịch nghĩa từ Pāli: Kammāsadhamma, một thị trấn ở nước Kuru mà Phật hay dừng chân. Trên, kinh 245, dịch là Điều phục bác ngưu tụ lạc.

³³. Câu-lưu quốc 拘留國. Pāli: Kuru.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Ta do tri kiến mà diệt tận các lậu³⁴, chứ không phải không tri kiến. Thế nào là do tri kiến mà diệt tận các lậu, chứ không phải không tri kiến? Nghĩa là: ‘Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc này, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức.’ Nếu không cần phương tiện, tùy thuận thành tựu, mà dụng tâm cầu mong rằng: ‘Mong ta diệt sạch được các lậu, tâm được giải thoát,’ nên biết, Tỳ-kheo kia cuối cùng không thể diệt sạch được các lậu để giải thoát. Vì sao? Vì không tu tập. Không tu tập những gì? Không tu tập niệm xứ, chánh cần, như ý túc, cẩn, lực, giác, đạo.

“Giống như gà mái đẻ ra nhiều trứng, nên không thể thường xuyên ấp, điều hòa nóng lạnh, mà lại mong cho gà con dùng móng chân, dùng mỏ để mổ vỏ trứng chui ra an toàn. Nên biết, gà con kia không đủ sức để dùng móng chân, dùng mỏ mổ vỏ trứng chui ra an toàn. Vì sao? Vì gà mái kia không thể thường xuyên ấp, điều hòa nóng lạnh, nuôi lớn gà con.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo không tinh cần tu tập, tùy thuận thành tựu, mà lại mong diệt sạch hết các lậu để giải thoát, thì việc này không thể có được. Vì sao? Vì không tu tập. Không tu tập những gì? Không tu niệm xứ, chánh cần, như ý túc, cẩn, lực, giác, đạo.

“Nếu Tỳ-kheo tu tập, tùy thuận thành tựu, thì tuy không muốn diệt sạch các lậu để giải thoát, nhưng với Tỳ-kheo kia các lậu cũng tự diệt sạch, tâm được giải thoát. Vì sao? Vì nhờ đã tu tập. Tu tập những gì? Tu niệm xứ, chánh cần, như ý túc, cẩn, lực, giác, đạo.

“Giống như gà mái khéo nuôi dưỡng con mình, thường xuyên ấp, điều hòa nóng lạnh, cho dù nó không muốn gà con tìm cách tự mổ vỏ trứng để ra, nhưng các con của nó cũng tự tìm đủ cách để thoát ra ngoài một cách an toàn. Vì sao? Vì gà mái thường xuyên ấp, điều hòa nóng lạnh.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo khéo cần phương tiện, thì cho dù không muốn diệt sạch các lậu để giải thoát, nhưng với Tỳ-kheo này các lậu tự hết,

³⁴. Pāli: jānato aham bhikkhave passato āsavānam khyam vadāmi, “Ta nói, này các Tỳ-kheo, do biết, do thấy, các lậu bị diệt tận”.

tâm được giải thoát. Vì sao? Vì đã nhờ vào sự chuyên cần tu tập. Tu tập những gì? Tu tập niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo.

"Giống như một người thợ khéo³⁵, hay học trò của người thợ khéo, tay cầm cán búa, cầm mãi không rời, dần dần trên cán búa mòn đi, hiện rõ chỗ ngón tay cầm, nhưng chỗ mòn hiện ra vì quá vi tế nên người kia không biết cán búa bị mòn.

"Cũng vậy, Tỳ-kheo tinh cần tu tập, tùy thuận thành tựu, thì sẽ không tự mình thấy biết là hôm nay lậu hết chừng mức nào, hay ngày mai lậu hết chừng mức nào; nhưng Tỳ-kheo kia biết là hữu lậu đã hết sạch. Vì sao? Vì nhờ đã tu tập. Tu tập những gì? Tu tập niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo.

"Giống như chiếc thuyền lớn đậu bờ biển; trải qua tháng sáu mùa hè³⁶ bị gió xát, mặt trời nung, dây cột đứt từ từ³⁷. Cũng vậy, Tỳ-kheo tinh cần tu tập, tùy thuận thành tựu, thì tất cả những kết, sử, phiền não, triển³⁸ dần dần sẽ được giải thoát. Vì sao? Vì nhờ khéo tu tập. Tu tập những gì? Tu tập niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo."

Khi nói pháp này, thì sáu mươi Tỳ-kheo không khởi lên các lậu, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 264. TIỂU THỔ ĐOÀN³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo nọ trong khi đang thiền tọa tư duy, suy nghĩ

³⁵. Công xảo sư 工 巧 師. Pāli: palagaṇḍa: thợ đẽo đá, thợ xây dựng.

³⁶. Hạ lục nguyệt 夏 六 月. Pāli: vassamāsāni udake pariyādāya, các tháng mưa, mưa ở trên nước.

³⁷. Bản Pāli: mùa mưa thuyền ở trên nước, đến mùa đông, thuyền mắc cạn. Dây nhợ các thứ dần dần bị đứt.

³⁸. Các từ chỉ phiền não: kết hay kết phược (Pāli: samyojana), sử hay tùy miên (Pāli: anusaya), phiền não (kilesa), triển hay triển phược (Pāli: pariyyutthāna). Bản Pāli chỉ kể samyojana.

³⁹. Nắm đất nhỏ. Pāli, S. 22. 96 Gomaya (phân bò); 97. Nakkhaskhā (móng tay).

như vậy: ‘Có sắc nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không? Cũng vậy, có thọ, tưởng, hành, thức nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không?’

Vào buổi chiều, sau khi Tỳ-kheo này từ thiền tọa dậy, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, trong khi con đang thiền tọa tư duy, suy nghĩ như vậy: ‘Có sắc nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không? Cũng vậy, có thọ, tưởng, hành, thức nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không?’ Nay bạch Thế Tôn: ‘Có sắc nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không? Và có thọ, tưởng, hành, thức nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không?’

Bấy giờ, Đức Thế Tôn tay cầm một hòn đất nhỏ⁴⁰ hỏi Tỳ-kheo kia:

“Ông có thấy hòn đất trong tay Ta không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật lại nói:

“Tỳ-kheo, ngã nhỏ bằng một ít đất như vậy cũng là bất khả đắc. Nếu ngã là khả đắc, thì nó là pháp thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi.”

Phật nói với Tỳ-kheo:

“Ta nhớ lại đời trước, tu phước lâu dài, đã được quả báo thù thắng vi diệu, khả ái. Ta đã từng trong bảy năm tu tập tâm từ, trải qua bảy kiếp thành hoại, không tái sanh vào thế gian này. Trong bảy kiếp hoại Ta sanh lên cõi trời Quang âm, trong bảy kiếp thành Ta lại sanh vào trong cung điện trống không trong cõi Phạm, làm Đại Phạm vương, thống lãnh ngàn thế giới, không ai hơn, không ai trên. Từ đó trở về sau, ba mươi sáu lần Ta lại làm Thiên đế Thích, rồi lại trăm ngàn lần làm Chuyển luân Thánh vương, thống lãnh bốn thiên hạ, dùng chánh pháp để giáo hóa và cai trị; có đầy đủ bảy báu: báu xe, báu voi, báu ngựa, báu ma-ni, báu ngọc nữ, báu đại thần chủ kho tàng, báu đại thần chủ

⁴⁰. Tiểu thổ đoàn 小 土 摶. Pāli: S. 22. 96: gomaya: cục phân bò; S. 22. 97: parittam nakkhasikhāya paṇḍum, lấy một ít bụi bằng đầu móng tay.

binh. Ta có đầy đủ ngàn người con tất cả đều dũng mãnh. Ở trong bốn biển, đất đai bằng phẳng, không có những thứ gai độc; chỉ dùng chánh pháp để điều phục, chứ không dùng oai thế, hay bức bách.

“Pháp vua Quán đánh⁴¹, có tám vạn bốn ngàn long tượng đều được dùng các thứ báu để trang sức trang nghiêm, lưỡi báu phủ lên, dựng cờ quý báu; ở đây tượng vương Bố-tát⁴² dẫn đầu, hai buổi sáng chiều tự động hội tụ trước điện. Lúc ấy Ta nghĩ: ‘Bầy voi lớn này, mỗi ngày qua lại đạp chết chúng sanh vô số. Ta ước sao bốn vạn hai ngàn voi, cứ một trăm năm trở lại một lần.’ và sở nguyện của Ta liền được như ý. Trong tám vạn bốn ngàn voi đó, có bốn vạn hai ngàn voi cứ trăm năm đến lại một lần.

“Pháp vua Quán đánh lại có tám vạn bốn ngàn con ngựa; cũng dùng hoàn toàn vàng ròng làm dụng cụ để cưỡi, lưỡi vàng phủ lên. Ở đây mã vương Bà-la⁴³ dẫn đầu chúng.

“Pháp vua Quán đánh có tám vạn bốn nghìn cỗ xe bằng bốn loại báu như xe vàng, xe bạc, xe lưu ly, xe pha lê; dùng da sư tử, da cọp, da beo và vải tạp sắc khâm-ba-la⁴⁴ phủ lên trên; đứng đầu là xe âm thanh Bạt-cầu tỳ-xà-da-nan-đề⁴⁵.

“Pháp vua Quán đánh thống lĩnh tám vạn bốn ngàn thành, nhân dân đông đúc, an lạc, phồn vinh. Đứng đầu là thành Câu-xá-bà-đề⁴⁶.

“Pháp vua Quán đánh có tám vạn bốn ngàn cung điện bằng bốn loại báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê, ma ni; Do-ha⁴⁷ là trên hết.

“Này Tỳ-kheo, pháp vua Quán đánh có tám vạn bốn ngàn giường bằng bốn loại báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê; cùng các loại nệm bằng

⁴¹. Chỉ vào một tiền kiếp của Phật. Quán đánh vương 濱頂王, thấp hơn Chuyển luân vương một bậc. Pāli: rājā muddhāvasitto.

⁴². Bố-tát tượng vương 布薩象王. Pāli: Uposatha-nāgarāja.

⁴³. Bà-la mã vương 婆羅馬王. Pāli: Valāhaka-assa-rāja.

⁴⁴. Khâm-ba-la 欽波羅. Pāli: kambala, vải bằng lông thú.

⁴⁵. Bạt cầu tỳ-xà-da-nan-đề 跋求毗闍耶難提. Pāli: Vejatanta, cỗ xe Chiến thắng của Đế-thích, phát ra âm thanh khủng khiếp (Pāli: bakkula, Hán âm là bạt-cầu). Xem thêm cht.53 dưới.

⁴⁶. Câu-xá-bà-đề 拘舍婆提. Pāli: Kusāvati.

⁴⁷. Do-ha 由訶; phiên âm của byūha: trang nghiêm. Pāli: Mahā-byūha-kūṭagāra, đại lâu các Trang nghiêm.

lụa quý, được trải lên trên nó bằng loại ngoa cụ Ca-lăng-già⁴⁸ và đặt lên những chiếc gối đỏ.

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, pháp vua Quán đánh lại có tám vạn bốn ngàn y phục, gồm bốn thứ như y ca-thi-tế⁴⁹, y sô-ma⁵⁰, y đầu-cưu-la⁵¹, y câu-triêm-bà⁵².

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, pháp vua Quán đánh có tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, như nữ Sát-lợi, nữ tỳ Sát-lợi, huống chi là những người nữ khác.

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, pháp vua Quán đánh có tám vạn bốn ngàn đồ ăn thức uống đủ các hương vị.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, chỉ có một người được vua chọn để hầu hạ; trong tám vạn bốn ngàn y phục báu, nhà vua chỉ mặc một y; trong tám vạn bốn ngàn giường báu, nhà vua chỉ nằm một giường; trong tám vạn bốn ngàn cung điện, nhà vua chỉ ở một cung; trong tám vạn bốn ngàn thành, nhà vua chỉ chọn ở một thành, đó là Câu-xá-bà-đề; trong tám vạn bốn ngàn xe báu, nhà vua chỉ đi có một xe đó là Tỳ-xà-da-nan-đề cù-sa⁵³, để ra khỏi thành du lâm; trong tám vạn bốn ngàn ngựa báu, nhà vua chỉ cưỡi có một con, đó là Bà-la-ha, lông đuôi màu xanh biếc; trong tám vạn bốn ngàn long tượng, nhà vua chỉ cưỡi một voi, đó là Bố-tát-đà để ra khỏi thành du quán.

“Này Tỳ-kheo, ở đây nhà vua nhờ những nghiệp báo gì mà có được những oai đức tự tại như vậy? Ở đây nhờ vào ba loại nghiệp báo. Những gì là ba? Một là bố thí, hai là điều phục, ba là tu đạo. Tỳ-kheo nên biết, phàm phu vì quen đắm nhiễm ngũ dục nên không biết chán và đủ; còn Thánh nhân vì đã thành tựu được trí tuệ đầy đủ nên thường biết đủ.

^{48.} Ca-lăng-già 過陵伽. Pāli: kadaliṅga: một loại sơn dương.

^{49.} Ca-thi-tế y 過尸細衣. Pāli: koseyya, vải lụa (quyến).

^{50.} Sô-ma y 蜀摩衣. Pāli: khoma, vải gai.

^{51.} Đầu-cưu-la y 頭鳩羅衣. Pāli: dukūla, vải gai vàng (hoàng ma).

^{52.} Câu-triêm-bà y 拘沾婆衣: không rõ vải gì. Bốn loại vải theo bản Pāli: khoma, koseyya, kambala, kappāsika.

^{53.} Tỳ-xà-da-nan-đề cù-sa 毘闍耶難提瞿沙. Pāli: Vejayanta-ghosa (? Âm thanh Chiến thắng), xem cht.45 trên.

“Này Tỳ-kheo, tất cả các hành, quá khứ diệt tận, quá khứ biến dịch. Các vật dụng tự nhiên kia và tên gọi của chúng, tất cả đều ma diệt. Cho nên này Tỳ-kheo, thôi hãy dừng lại với các hành⁵⁴, hãy nhảm chán, đoạn trừ dục, giải thoát.

“Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, vô thường.”

“Nếu vô thường thì khổ phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, là khổ.”

“Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy Thánh đệ tử ở trong đó có chấp ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, không.”

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay là vô thường?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, vô thường.”

“Nếu vậy, vô thường là khổ phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, là khổ.”

“Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy Thánh đệ tử ở trong đó có chấp ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, không.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Những gì thuộc về hữu sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau.

⁵⁴. Vĩnh túc chư hành 永 息 諸 行. Pāli: alam eva sabbasaṅkhāresu nibbindatum, thôi đủ rồi, hãy nhảm tóm hết thảy các hành.

“Tỳ-kheo, đối với sắc nén sanh tâm nhàm tỗm. Do nhàm tỗm mà ly dục, giải thoát. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nén sanh tâm nhàm tỗm. Do nhàm tỗm mà ly dục, giải thoát, giải thoát tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui. Sau đó luôn luôn nhớ về những lời dạy với thí dụ nhúm đất, một mình ở chỗ vắng vẻ, tinh tấn siêng năng tư duy, sống không buông lung. Sau khi sống không buông lung, vị ấy tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình,... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.

Lúc ấy, Tôn giả này cũng tự biết pháp, tâm đạt được giải thoát, thành bậc A-la-hán.

**

KINH 265. BÀO MẶT⁵⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trú xứ A-tỳ-đà, bên bờ sông Hằng⁵⁶.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Giống như nước lớn sông Hằng cuộn lên, bọt nước theo dòng chảy mà tụ lại. Nếu như người nào có mắt sáng quán sát, phân biệt thật kỹ, thì lúc quán sát, phân biệt thật kỹ đó, sẽ thấy rằng không có gì cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong nhóm bọt nước nổi kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì sắc vốn không chắc thật.

⁵⁵. Bọt nước. Pāli, S. 22. 95. Pheṇa.

⁵⁶. A-tỳ-đề-đà xứ Hằng hà trắc 阿毗提陀處恆河側. Pāli: ayujjhāyaṁ viharati gaṅgāya nadiyā tire.

“Này các Tỳ-kheo, giống như trời mưa lớn, bong bóng nước chợt hiện chợt mất. Nếu người nào có mắt sáng quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, thì lúc quán sát tư duy, phân biệt thật kỹ đó sẽ thấy rằng không có cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong bong bóng nước kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về thọ, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì thọ vốn không chắc thật.

“Này các Tỳ-kheo, giống như cuối xuân, đầu hạ, không mây, không mưa, giữa trưa trời nắng gắt, sóng nắng⁵⁷ chập chờn, người nào sáng mắt quán sát, tư duy, phân biệt kỹ càng và, khi quán sát, tư duy, phân biệt kỹ càng thì sẽ thấy rằng không có gì cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong quang nắng kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy, những gì thuộc về tưởng, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì tưởng vốn không chắc thật.

“Này các Tỳ-kheo, giống như người mắt sáng muốn tìm gỗ cứng chắc, nên cầm búa bén đi vào rừng núi. Thấy một cây chuối lớn, thân dài lớn ngay thẳng, y liền đốn gốc, chặt đứt ngọn nó, lột bỏ hết bẹ, cuối cùng không có gì là chắc thật. Nếu người nào có mắt sáng thì sẽ quán sát, tư duy, phân biệt và khi đã quán sát, tư duy, phân biệt rồi thì sẽ thấy rằng không gì có cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong cây chuối kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về hành, hoặc quá khứ,

⁵⁷. Nguyên Hán: dã mã 野 馬 (ngựa đồng); Pāli: marūcikā, quáng nắng; chỉ ảo ảnh bất thực, như lâu sò chợ biển.

hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì hành vốn không chắc thật.

“Này các Tỳ-kheo, giống như nhà ảo thuật, hay là học trò của nhà ảo thuật, ở giữa ngã tư đường, huyễn hóa ra binh voi, binh ngựa, binh xa, binh bộ. Lúc này có người trí mắt sáng, quán sát, tư duy, phân biệt kỹ và khi họ đã quán sát, tư duy, phân biệt kỹ, thì sẽ thấy rằng không gì là có, không gì là bền chặt, không gì là chân thật, không có gì là chắc thật. Vì sao? Vì những hiện tượng huyễn hóa kia vốn không chắc thật. Như vậy, này các Tỳ-kheo những gì thuộc về thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, thì Tỳ-kheo nên quán sát, tư duy, phân biệt kỹ và khi đã quán sát, tư duy, phân biệt kỹ thì sẽ thấy rằng không gì là có, không gì là bền chặt, không gì là chân thật, không có gì là chắc thật; chúng như bệnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì thức vốn không chắc thật.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói lại nghĩa này, nên nói bài kệ:

*Quán sắc như bọt nước,
Thợ như bong bóng nước,
Tưởng như quáng nắng xuân,
Các hành như cây chuối,
Các thức pháp như huyễn,
Đấng Nhật thân⁵⁸ dạy vậy.
Tư duy kỹ khắp cả,
Chánh niệm khéo quán sát:
Không thật, chẳng kiên cố,
Không có ngã, ngã sở.
Đối thân khổ ấm này,*

⁵⁸. Hán: Nhật chủng tánh tôn 日 種 性 尊. Pāli: Ādiccabandhu, bà con với Mặt trời, chỉ dòng họ Thích, được coi là có nguồn gốc từ Mặt trời.

*Đại Trí phân biệt dạy,
 Xa lìa ba pháp này,
 Thân thành vật vất bỏ:
 Thọ, hơi ấm và thức.
 Lìa chúng, phân thân khác,
 Vĩnh viễn vùi gò hoang,
 Như gỗ, không thức tưởng.
 Thân này thường như vậy,
 Huyễn dối dụ người ngu;
 Như gai độc, như sát,
 Không có gì chắc thật.
 Tỳ-kheo siêng tu tập,
 Quán sát thân ấm này,
 Chuyên tinh luôn ngày đêm,
 Chánh trí, buộc niệm lại,
 Hành hữu vi ngừng nghỉ,
 Vĩnh viễn chốn thanh lương.*

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 266. VÔ TRI (1)⁵⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Đối với sanh tử vô thi, vì bị vô minh che khuất, ái kết⁶⁰ buộc ràng, luân hồi trong đêm dài tăm tối, nên không biết được biên tế tối sơ⁶¹ của khổ. Cũng như trăm thứ cỏ cây, lúa, thóc, mọc trên mặt đất, tất cả đều bị khô héo vì lâu ngày không mưa. Nay các Tỳ-kheo, vì bị vô minh che khuất, ái kết buộc ràng, nên chúng sanh sống chết luân hồi.

⁵⁹. Pāli, S. 22. 99. Gaddula (dây trói) (1).

⁶⁰. Ái kết 愛 結. Pāli: taṇhāsaṃyojana.

⁶¹. Biên tế 本 際. Pāli: pubbā koṭi.

Ái kết không dứt, không chấm dứt được khổ⁶².

“Này các Tỳ-kheo, có khi nước trong biển lớn cũng khô cạn vì lâu ngày trời không mưa. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, vì vô minh che khuất, ái kết buộc ràng, nên chúng sanh sống chết luân hồi. Ái kết không dứt, không chấm dứt được khổ.

“Này các Tỳ-kheo, có lúc, sau một thời gian lâu dài, núi chúa Tu-di⁶³ tất phải sụp đổ. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, vì vô minh che khuất, ái kết buộc ràng, nên chúng sanh sống chết luân hồi. Ái kết không dứt, không chấm dứt được khổ.

“Này các Tỳ-kheo, có lúc, sau một thời gian lâu dài, quả đất này bị tan hoại. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, vì vô minh che khuất, ái kết buộc ràng, nên chúng sanh sống chết luân hồi. Ái kết không dứt, không chấm dứt được khổ.

“Này các Tỳ-kheo, giống như con chó bị cột vào trụ. Khi sợi dây chưa bứt, nó lâu dài đi quanh cây trụ, chuyển động luân hồi. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, vì chúng sanh ngu si không biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc, nên mãi mãi bị xoay vần qua lại, bị chuyển vần theo sắc. Cũng vậy, nếu không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức; về sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức; về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức; về sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức; về sự xuất ly của thọ, tưởng, hành, thức, thì sẽ mãi mãi bị xoay vần qua lại, bị chuyển vần theo thọ, tưởng, hành, thức.

“Này các Tỳ-kheo, nó bị chuyển theo sắc, chuyển theo thọ, chuyển theo tưởng, chuyển theo hành, chuyển theo thức. Vì bị chuyển theo sắc nên không thoát khỏi sắc; vì bị chuyển theo thọ, tưởng, hành, thức nên không thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Vì không thoát, nên không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc; biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức; về

⁶². Bất tận khổ biên 不 盡 苦 邊. Pāli: na... dukkhassa antakiriyam.

⁶³. Tu-di sơn vương 須 彌 山 王. Pāli: Sineru pabbatarājā.

sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức; về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức; về sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức; về sự xuất ly của thọ, tưởng, hành, thức, nên không bị chuyển theo thọ, tưởng, hành, thức. Vì không bị chuyển theo, nên thoát khỏi sắc, thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Ta nói vị ấy sẽ thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nã.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 267. VÔ TRI (2)⁶⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh, đối với sanh tử vô thi, vì bị vô minh che khuất, ái kết buộc ràng, luân hồi trong lâu dài, mà không biết được biên tế tối sơ của khổ.

“Này các Tỳ-kheo, giống như con chó bị dây cột vào trụ. Dây trói không đứt, nó xoay chuyển quanh cây trụ, khi đứng, khi nằm, không rời khỏi trụ. Cũng vậy, chúng sanh phàm phu ngu muội, đối với sắc không lìa tham dục, không xa lìa ái, không lìa niệm, không xa lìa khát, luân hồi theo sắc, chuyển xoay theo sắc, khi đứng, khi ngồi, không rời khỏi sắc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, theo thọ, tưởng, hành, thức chuyển xoay, khi đứng, khi nằm không rời khỏi thức.

“Này các Tỳ-kheo, hãy khéo quán sát tư duy tâm. Vì sao? Vì trong lâu đời tâm bị tham dục làm nhiễm ô, bị sân nhuế, ngu si làm nhiễm uế. Nay các Tỳ-kheo, vì tâm não nên chúng sanh não; vì tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh⁶⁵.

⁶⁴. Pāli, S. 22. 100 Gaddula (2).

⁶⁵. Pāli: cittasamkilesā bhikkhave sattā samkilissanti; cittavodānā sattā visujjhanti, tâm ô nhiễm nên chúng sanh ô nhiễm; tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh.

“Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy có một sắc⁶⁶ mà đa dạng như chim có sắc đốm⁶⁷, tâm mình lại còn hơn thế nữa. Vì sao? Tâm chúng sanh kia đa dạng, nên sắc cũng đa dạng. Cho nên này Tỳ-kheo, hãy tư duy quán sát rõ tâm mình. Ngày các Tỳ-kheo, trong lâu đời tâm bị tham dục làm nhiễm ô, bị sân nhuế, ngu si làm nhiễm uế. Ngày các Tỳ-kheo, vì tâm não nên chúng sanh não; vì tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh.

“Tỳ-kheo, nên biết, người có thấy chim Ta-lan-na⁶⁸ có nhiều màu sắc không?”

Đáp:

“Thế Tôn, đã từng thấy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Ngày các Tỳ-kheo, như loài chim Ta-lan-na có nhiều màu sắc, Ta nói tâm của chúng cũng có nhiều như vậy. Vì sao? Vì tâm của chim Ta-lan-na đa dạng, nên màu sắc đa dạng⁶⁹. Cho nên này Tỳ-kheo, hãy tư duy quán sát rõ tâm mình. Ngày các Tỳ-kheo, trong lâu đời tâm bị tham dục làm nhiễm ô, bị sân nhuế, ngu si làm nhiễm uế. Ngày các Tỳ-kheo, vì tâm não nên chúng sanh não; vì tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh.

“Giống như người thợ vẽ, hay học trò của người thợ vẽ, khéo dọn sạch đất, rồi dùng các thứ màu, theo ý mình vẽ nên các loại hình tượng khác nhau.

“Cũng vậy Tỳ-kheo, chúng sanh phàm phu ngu si, không biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Không

⁶⁶. Nhất sắc chủng chủng 一色 種種: có lẽ Pāli: ekanikāyam pi... evam cittam, một bộ loại đa dạng như vậy.

⁶⁷. Ban sắc điểu 般色鳥. Bản Pāli nói: tiracchānagatā pāṇā, các sinh vật thuộc động vật.

⁶⁸. Ta-lan-na 喳箇那; có lẽ phiên âm từ caraṇa, một loại tranh vẽ để tài “đức hạnh” (caraṇa), vẽ để khuyên đời. Pāli: caranam nāma cittam; bức họa màu có tên là caraṇa.

⁶⁹. Pāli: caranam nāma cittam cittena cittitam, bức họa caraṇa ấy do tâm nên có nhiều màu sắc. Trong bản Pāli, hai citta với hai nghĩa khác nhau: tranh vẽ màu và tâm. Trong bản Hán hiểu hai từ đều là tâm cả.

biết như thật về sắc nên thích thú đắm nhiễm sắc. Vì thích thú đắm nhiễm sắc, nên lại sanh ra các sắc vị lai. Cũng vậy, phàm phu ngu si, không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly của thức. Không biết như thật nên thích thú đắm nhiễm thức. Thích thú đắm nhiễm thức, nên lại sanh ra các thức vị lai. Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức vị lai sẽ sanh nên đối với sắc không giải thoát; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng không giải thoát. Ta nói người này không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nã.

“Có đà văn Thánh đệ tử biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Biết như thật rồi nên không đắm nhiễm sắc. Không đắm nhiễm nên không sanh ra sắc vị lai. Biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly của thức. Biết như thật nên không nhiễm đắm thức, vì không đắm nhiễm nên không sanh ra các thức vị lai. Không thích nhiễm sắc, thọ, tưởng, hành, thức nên đối với sắc sẽ được giải thoát và đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sẽ được giải thoát. Ta nói những người này sẽ giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nã.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 268. HÀ LƯU⁷⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Giống như nước sông phát xuất từ khe núi, nước sâu chảy xiết, dòng nước cuồn cuộn cuốn trôi tất cả những vật chìm nổi. Hai bên bờ sông mọc um tùm nhiều loại cổ cây, bị dòng nước lớn cuốn rập cả hai

⁷⁰. Dòng sông. Pāli, S. 22. Nadi.

bên bờ. Nhiều người lội qua, số lớn bị nước cuốn trôi, theo dòng chìm đắm; gấp sóng đẩy vào gần bờ, dùng tay chộp lấy cỏ cây, nhưng cây cỏ lại bị đứt và trở lại theo dòng nước cuốn trôi.

“Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu chúng sanh phàm phu ngu muội nào không biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc; và vì không biết như thật nên đắm nhiễm sắc, ở nơi sắc, nói sắc là ngã⁷¹, nhưng rồi sắc kia theo đó mà đoạn. Cũng vậy, không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức,... về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly thức. Vì không biết như thật nên đắm nhiễm thức, nói thức là ngã, nhưng rồi thức kia lại theo đó mà đoạn.

“Nếu đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc; và vì đã biết như thật nên không đắm nhiễm sắc. Biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, về sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức, về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức, về sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức, về sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật nên không đắm nhiễm thọ, tưởng, hành, thức. Không đắm nhiễm nên như vậy tự biết chứng đắc Bát-niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 269. KỲ LÂM⁷²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

⁷¹. Pāli: rūpaṃ attato samanupassati, rūpavantaṃ vā attānam; attāni vā rūpaṃ, rūpasmiṃ vā attānam, nó quán sắc là tự ngã, hay tự ngã của sắc, hay sắc trong tự ngã, hay tự ngã trong sắc.

⁷². Pāli, S. 22. 33-34. Natumhākam (không phải của các ông).

“Những pháp không thích ứng của các ông⁷³, thì hãy nêu lìa bỏ hết. Nếu buông bỏ những pháp này rồi, các ông sẽ được an vui lâu dài.

“Tỳ-kheo, những pháp nào không thích ứng của các ông, mà các ông phải nhanh chóng lìa bỏ? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không phải là pháp thích ứng của các ông, hãy lìa bỏ hết. Nếu dứt sạch pháp này rồi các ông sẽ được an vui lâu dài.

“Giống như cây cối trong rừng Kỳ-hoàn⁷⁴; có người đến chặt cành lá rồi đem đi, các ông cũng chẳng lấy làm lo buồn. Vì sao? Vì những cây này chẳng phải ta, chẳng phải sở hữu của ta. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, những gì không là thích ứng của các ông, hãy lìa bỏ tất cả. Nếu xa lìa hết rồi, các ông sẽ được an vui lâu dài. Những gì không phải thích ứng của các ông? Sắc không phải là thích ứng của các ông, phải lìa bỏ hết. Nếu xa lìa rồi thì sẽ được an vui lâu dài. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không phải thích ứng của các ông, hãy nhanh chóng lìa bỏ. Nếu buông bỏ các pháp này rồi, sẽ được an vui lâu dài.

“Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, là vô thường.”

Phật dạy:

“Tỳ-kheo, vậy vô thường là khổ phải không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thế Tôn, là khổ.”

Phật bảo:

“Nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không⁷⁵? ”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thế Tôn, không.”

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay là vô thường?”

Đáp:

⁷³. Phi nhữ sở ứng pháp 非 汝 所 應 法. Pāli: na-tumhākam, không phải của các ông.

⁷⁴. Kỳ-hoàn lâm 祇 桓 林, tức cũng thường nói là Kỳ thọ. Pāli: Jetavana.

⁷⁵. Xem ch.71 kinh 268 trên.

“Thế Tôn, là vô thường.”

Phật bảo:

“Vô thường là khổ chăng?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thế Tôn, là khổ.”

Phật bảo:

“Nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thế Tôn, không.”

“Tỳ-kheo, cho nên, những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Thánh đệ tử phải quán sát năm thọ ám này chẳng phải ngã, chẳng phải sở hữu của ngã. Lúc quán sát như vậy, đối với thế gian không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên tự đạt Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 270. THỌ⁷⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Tu tập tưởng vô thường⁷⁷, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục

⁷⁶. Pāli, S.22. 102 Aniccatā.

⁷⁷. Hán: vô thường tưởng 無常想. Pāli: anicca-saññā.

ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, điệu mạn⁷⁸, vô minh⁷⁹.

“Giống như người làm ruộng, cuối hạ đầu thu, cày đất cho sâu, làm sạch hết cỏ. Cũng vậy, Tỳ-kheo, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

“Tỳ-kheo, như người cắt cỏ, tay cầm ngọn cỏ, đưa lên và giữ sạch, tất cả cỏ khô héo đều rơi rớt hết và lấy được những cọng cỏ dài. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

“Giống như trái Am-la⁸⁰ bám lơ lửng trên cây; một cơn gió mạnh thổi qua cành, quả rụng xuống. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

“Giống như bên trong lầu gác là nơi chứa các loại gỗ ván quý, bền chắc, để gìn giữ không cho thất lạc. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

“Giống như trong tất cả dấu chân của chúng sanh, dấu chân voi là lớn hơn, vì nó có thể chứa nhiều dấu chân khác. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

“Giống như tất cả các sông ngòi ở thế gian này đều đổ vào biển cả. Biển cả là hơn hết, vì nó dung nạp tất cả. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

“Giống như mặt trời xuất hiện, có thể phá tan mọi sự tối tăm của thế gian. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

“Giống như Chuyển luân Thánh vương, so với các tiểu vương là tối thượng, tối thắng. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều,

^{78.} **Điệu** (trạo) mạn **掉 慢**. Pāli: *asmimāna*, phúc cảm về cái tôi đang hiện hữu.

^{79.} Pāli: *kāmarāga*, *rūparāga*, *bhavarāga*, *avijjā*, *asmimāna*, dục ái, sắc ái, hữu ái, vô minh, ngã mạn.

^{80.} Am-la quả 蓬 罗 果. Pāli: *ambapiṇḍī*, quả xoài.

có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

“Tỳ-kheo, làm thế nào để tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh?

“Nếu Tỳ-kheo ở chỗ đồng trống hay ở trong rừng cây, mà khéo tư duy chân chánh, quán sát sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường; tư duy như thế thì dứt hết tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh. Vì sao? Vì nếu người nào tu tập được tưởng vô thường, thì có thể tu tập được tưởng vô ngã. Thánh đệ tử an trú ở tưởng vô ngã, tâm lìa ngã mạn, tùy thuận chứng đắc Niết-bàn.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

* * *

KINH 271. ĐÊ-XÁ⁸¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Đê-xá⁸², cùng với một số đông Tỳ-kheo khác tập hợp tại nhà ăn. Tỳ-kheo Đê-xá nói với các Tỳ-kheo:

“Thưa các Tôn giả, đối với pháp tôi không thể phân biệt⁸³. Tôi không thích tu phạm hạnh nữa, chỉ thích ngủ nghỉ nhiều và nghi hoặc đối với pháp.”

Bấy giờ trong chúng có một Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đánh lẽ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

“Thế Tôn, Tỳ-kheo Đê-xá, nhân lúc chúng tăng tập hợp tại nhà ăn, đã nói lên những lời như vầy: ‘Đối với pháp tôi không thể phân biệt. Tôi không thích tu phạm hạnh nữa, chỉ thích ngủ nghỉ nhiều và nghi hoặc đối với pháp.’”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo Đê-xá này là kẻ ngu si, không gìn giữ các căn, ăn

⁸¹. Pāli, S. 22. 84. Tisso.

⁸². Đê-xá 低舍. Pāli: Tisso bhagavato pitucchāputto, Tissa, con trai của bà cô của Thế Tôn, tức em cô cậu.

⁸³. Pāli: dhammāpi mām na paṭibhanti, các pháp không được hiểu rõ ràng đối với tôi.

uống không có chừng mực; đầu đêm, cuối đêm, tâm không tịnh thức, giải đãi biếng nhác, không nỗ lực tinh tấn, không khéo quán sát tư duy pháp thiện. Tỳ-kheo này mà đối với phân biệt pháp, tâm thích tu phạm hạnh, xa lìa mọi sự ngủ nghỉ và ở trong chánh pháp mà xa lìa mọi sự nghỉ hoặc, thì việc này không thể xảy ra. Nếu Tỳ-kheo giữ gìn các căn, ăn uống chừng mực; đầu đêm, cuối đêm, tịnh thức tinh tấn, quán sát pháp lành; với Tỳ-kheo ấy, sự yêu thích pháp phân biệt, ưa tu phạm hạnh, xa lìa mọi sự ngủ nghỉ, tâm không nghi ngờ pháp, điều này có thể xảy ra.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ngươi hãy đến nói Tỳ-kheo Đê-xá rằng Đạo Sư cho gọi.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, xin vâng.”

Sau khi lạy dưới chân Phật, Tỳ-kheo kia đến chỗ Đê-xá bảo rằng:

“Trưởng lão Đê-xá, Đức Thế Tôn cho gọi ông.”

Đê-xá vâng lời, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lạy dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Tỳ-kheo Đê-xá:

“Này Đê-xá, có thật ngươi cùng với nhiều Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn và tuyên bố những lời như vậy: ‘Thưa các trưởng lão, đối với pháp, tôi không thể phân biệt, tôi không thích tu phạm hạnh, mà chỉ thích ngủ nghỉ nhiều và đối với pháp còn nghi hoặc’?”

Đê-xá bạch Phật:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn.”

Phật hỏi Đê-xá:

“Bây giờ Ta hỏi ngươi, hãy trả lời tùy ý.

“Ý ngươi nghĩ sao? Nếu đối với sắc mà không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa nhớ nghĩ, không lìa khát vọng và sắc này nếu biến đổi hoặc khác đi thì ngươi nghĩ thế nào, ngươi có sanh ra buồn lo, khổ não không?”

Đê-xá bạch Phật:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn. Nếu đối với sắc mà chẳng lìa tham, chẳng lìa dục, chẳng lìa ái, chẳng lìa nhớ nghĩ, chẳng lìa khát vọng và sắc này nếu biến đổi hoặc khác đi, thì quả thật sẽ khởi lên buồn lo, khổ não. Thế Tôn, thật như vậy, không khác.”

Phật bảo Đê-xá:

“Lành thay! Lành thay! Đê-xá, cần phải thuyết pháp như vậy, về sự không ly tham dục.

“Này Đê-xá đối với thọ, tưởng, hành, thức mà chẳng lìa tham, chẳng lìa dục, chẳng lìa ái, chẳng lìa nhớ nghĩ, chẳng lìa khát vọng và khi thức này nếu biến đổi hoặc khác đi, thì ý ngươi nghĩ sao, ngươi có sanh ra buồn lo, khổ não không?”

Đê-xá bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng như vậy, đối với thức mà chẳng lìa tham, chẳng lìa dục, chẳng lìa nhớ nghĩ, chẳng lìa khát vọng và khi thức này nếu biến đổi hoặc khác đi, thì thật sự sẽ khởi lên buồn lo và khổ não. Bạch Thế Tôn, thật như vậy, không khác.”

Phật bảo Đê-xá:

“Lành thay! Lành thay! Đê-xá, cần phải thuyết pháp như vậy, về sự không ly tham dục đối với thức.”

Phật nói với Đê-xá:

“Ý ngươi nghĩ sao? Nếu đối với sắc mà lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa nhớ nghĩ, lìa khát vọng và sắc này nếu biến đổi hoặc khác đi, thì có sanh ra buồn lo, khổ não không?”

Đê-xá bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không. Thật như vậy, không khác.”

“Ý ngươi nghĩ sao? đối với thọ, tưởng, hành, thức lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa nhớ nghĩ, lìa khát vọng và thức này nếu biến đổi hoặc khác đi, thì có sanh ra buồn lo, khổ não không?”

Đê-xá bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không. Thật như vậy, chẳng khác.”

Phật bảo Đê-xá:

“Lành thay! Lành thay! Đê-xá, bây giờ Ta sẽ nói thí dụ, người trí sẽ nhớ thí dụ mà hiểu được. Như hai người bạn cùng đi trên một con đường, một người biết rành đường, một người không rành đường. Người không biết nói với người biết như vậy: ‘Tôi muốn đến thành phố kia, thôn ấp kia, làng xóm kia, hãy chỉ đường cho tôi đến đó.’ Khi ấy, người rành đường liền chỉ đường cho người kia, nói rằng: ‘Anh đi theo con đường này và sẽ thấy hai con đường ở phía trước; bỏ bên trái đi theo lối phải tới trước, sẽ gặp hầm hố và dòng sông. Lại bỏ bên trái,

theo lối phải, sẽ gặp một khu rừng. Lại bỏ bên trái, theo lối phải, cứ như vậy, từ từ tiến bước về phía trước thì sẽ đến thành kia.””

Phật bảo Đê-xá:

“Thí dụ này như vậy: người không biết đường là ví cho kẻ phàm phu ngu si, còn người biết đường là ví cho Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Hai con đường trước là chỉ cho sự hồ nghi của chúng sanh. Con đường trái là chỉ cho ba pháp bất thiện: tham, nhuế và hại giác⁸⁴. Con đường bên phải là chỉ cho ba thiện giác: xuất yếu ly dục giác, bất sân giác, bất hại giác⁸⁵. Đi về đường bên trái là chỉ cho tà kiến, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Đi về đường bên phải là chỉ cho chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Còn hầm hố và dòng nước là chỉ cho sân nhuế, buồn lo, che lấp. Rừng cây là chỉ cho năm công đức của dục. Thành kia là chỉ cho Niết-bàn.”

Phật bảo Đê-xá:

“Phật là vị Đạo Sư, vì các hàng Thanh văn mà những gì cần làm đã làm xong. Như nay, vì lòng thương xót nên đưa đến sự lợi ích, an vui; phận sự Ta đã làm xong. Hôm nay ngươi hãy làm những việc phải làm. Hãy đến dưới bóng cây, hoặc chỗ đất trống, hoặc trong hang núi, trải cỏ làm chỗ ngồi, khéo tư duy chánh niệm, tu tập không buông lung, chờ để tâm hồi hận về sau này. Nay Ta dạy ngươi như vậy.”

Bấy giờ, Đê-xá nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 272. TRÁCH CHU TƯỞNG⁸⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-

⁸⁴. Ba bất thiện giác 不善覺, cũng nói là ba bất thiện tâm, tức ba sự trầm tư hay suy tâm bất thiện. Xem Trường A-hàm, kinh 9 Chúng tập. Pāli: tayo akusalavitakkā. D. 33. Saṅgīti.

⁸⁵. Ba thiện giác 善覺, cũng nói là ba thiện tâm; xem Trường A-hàm, kinh 9 Chúng tập; D. 33. Saṅgīti.

⁸⁶. Pāli, S. 22. 80. Piṇḍolyam (khất thực).

vệ. Bấy giờ, trong chúng xảy ra một việc tranh cãi nhỏ. Thế Tôn vì sự cố ấy quở trách các Tỳ-kheo. Vào lúc sáng sớm, Đức Phật đắp y mang bát vào thành khất thực. Sau khi ăn xong, Ngài xếp y bát, rửa chân, rồi đi vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, một mình tĩnh tọa tư duy, suy nghĩ như vậy: ‘Trong chúng vừa xảy ra một việc tranh cãi nhỏ, Ta đã quở trách các Tỳ-kheo. Nhưng trong chúng này có nhiều Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, nếu không thấy Đại Sư, có thể họ sẽ khởi tâm hối, buồn rầu không vui. Ta luôn luôn có lòng thương xót đối với các Tỳ-kheo; nay cũng vì lòng thương xót, Ta nên trở về để nhiếp thủ đồ chúng này.’

Bấy giờ, vua Đại phạm biết được ý nghĩ của Phật, như lực sĩ co duỗi cánh tay, trong khoảnh khắc đã biến mất khỏi trời Phạm thiên, đến trước Phật bạch:

“Thật vậy, Thế Tôn! Thực vậy, Thiện Thệ! Thế Tôn đã quở trách các Tỳ-kheo vì một chút việc tranh cãi nhỏ. Ở trong chúng kia có nhiều Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, nếu không trông thấy Đại Sư, có thể họ sẽ khởi tâm hối, buồn rầu không vui. Thế Tôn luôn luôn vì lòng thương xót, nhiếp thọ chúng Tăng. Lành thay, Thế Tôn! Hôm nay xin Ngài trở về để nhiếp thủ các Tỳ-kheo.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì rủ lòng thương tưởng Phạm thiên, Ngài im lặng nhận lời. Khi ấy, trời Đại phạm biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời rồi, đánh lễ Phật và đi nhiều bên phải ba vòng rồi biến mất.

Vua Đại phạm đi chưa bao lâu, Đức Thế Tôn trở về vườn Cấp cô độc, trải tọa cụ ngồi ngay thẳng, biểu hiện ra bên ngoài các tướng vi tế, khiến cho các Tỳ-kheo mới dám đến hầu gắp. Các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật với vẻ mặt đầy hổ thẹn, sau khi đánh lễ dưới chân Phật rồi, ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Người xuất gia có cuộc sống thấp hèn⁸⁷; cao tóc, ôm bát, khất thực từng nhà, giống như bị cầm chúa⁸⁸. Sở dĩ như vậy, là vì muốn cầu

⁸⁷. Hán: ti hạ hoạt mạng 卑下活命. Pāli: antam idam jivikānam yadidam piṇḍolyam, đây là nghề sinh sống rất thấp, đó là nghề xin ăn.

⁸⁸. Pāli: abhisāpāyaṃ lokasmīm, trong thế gian có lời nguyền rủa này.

mục đích cao thượng⁸⁹, muốn thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nã, tận cùng biên tế của khổ.

“Này các Thiện nam, các ông không vì vua, giặc sai sứ, không vì mắc nợ người, không vì khủng bố, không vì mất mạng mà xuất gia, mà chính vì muốn giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nã. Các ông há không vì mục đích ấy mà xuất gia chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thật vậy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo các ông, vì mục đích cao thượng như vậy mà xuất gia, vậy tại sao ở đây lại còn có kẻ phàm phu ngu si khởi lòng tham dục, sanh ra nhiễm đắm quá mức, sân khuế, hung bạo, biếng nhác yếu hèn, mất niệm, không định, các căn mê loạn?

“Giống như người từ tối tăm vào tối tăm; từ mờ mịt vào mờ mịt; từ hầm phẩn ra rồi lại rơi vào hầm phẩn; dùng máu rửa máu; lìa bỏ các việc ác, rồi trở lại nắm lấy các việc ác. Ta nói những thí dụ này, Tỳ-kheo phàm phu cũng như vậy.

“Lại giống như củi thiêu tử thi, bị ném bỏ trên gò mả, không bị tiêu phu thu gom. Ta nói thí dụ này, thì đối với Tỳ-kheo phàm phu ngu si. khởi lòng tham dục, sanh ra đắm nhiễm quá mức, sân khuế hung bạo, biếng nhác yếu hèn, mất niệm không định, các căn tán loạn cũng lại như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, có ba pháp bất thiện giác⁹⁰, đó là: tham giác, khuế giác, hại giác. Ba giác này do tưởng mà sanh khởi. Thế nào là tưởng? Tưởng có vô lượng thứ: Tham tưởng, khuế tưởng, hại tưởng⁹¹ ... Các pháp bất thiện giác từ đây sanh khởi. Này các Tỳ-kheo, tham tưởng, khuế tưởng, hại tưởng; tham giác, khuế giác, hại giác và vô lượng thứ bất thiện, làm sao để diệt sạch rốt ráo? Hãy buộc tâm vào bốn Niệm xứ, hãy an trụ nơi vô tưởng tam-muội, tu tập, tu tập nhiều; pháp ác bất thiện từ đây diệt hết, dứt sạch không

⁸⁹. Nguyên Hán: thắng nghĩa 勝 義.

⁹⁰. Xem cht.84, kinh 271.

⁹¹. Ba bất thiện tưởng, xem Trường A-hàm, kinh 9 Chúng tập. Pāli, tisso akusala-saññā: kāma-saññā, vyāpāda-saññā, vihimsā-saññā; D. 33. Saṅgīti.

còn sót, là chính nhờ ở pháp này.

“Người thiện nam, người thiện nữ có lòng tin vui xuất gia, tu tập vô tướng tam-muội; tu tập, tu tập nhiều, sẽ trụ trong cửa cam lô, cho đến cứu cánh cam lô Niết-bàn⁹². Ta không nói cam lô Niết-bàn này y cứ vào ba kiến. Những gì là ba? Có một hạng chủ trương như vậy, nói như vậy: ‘Mạng tức là thân.’ Lại có hạng chủ trương như vậy: ‘Mạng khác thân khác.’ Lại nói như vậy: ‘Sắc là ngã, không hai không khác, tồn tại mãi mãi, không biến đổi.’ Đa văn Thanh đệ tử tư duy như vậy: ‘Thế gian có pháp nào đáng để chấp thủ mà không có sai lầm tội lỗi?’ Khi tư duy rồi, họ không thấy một pháp nào khả thủ mà không có sai lầm tội lỗi cả. Nếu ta chấp thủ sắc, tức là có sai lầm tội lỗi. Nếu chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức thì có sai lầm tội lỗi. Đã biết vậy rồi, thì đối với các pháp thế gian không có gì để chấp thủ, vì không có gì để chấp thủ nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

Bài kê tóm tắt:

*Ung thuyết, tiểu thổ đoàn,
Bào mạt, hai vô tri,
Hà lưu, Kỳ lâm, thọ,
Đê-xá, trách chư tưởng.*

□

^{92.} Chỉ Niết-bàn bất tử.

TẬP A-HÀM QUYỂN 11

KINH 273. THỦ THANH DỤ¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình lặng lẽ tư duy: “Thế nào là ngã? Ngã làm gì? Cái gì là ngã? Ngã trụ ở đâu?” Sau khi từ thiền tịnh tỉnh giác, Tỳ-kheo này đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ vắng tư duy: “Thế nào là ngã? Ngã làm gì? Cái gì là ngã? Ngã trụ ở đâu?””

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ vì ngươi mà nói hai pháp². Người hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Thế nào là hai? Mắt và sắc là hai. Tai và tiếng, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là hai pháp.

“Này Tỳ-kheo, nếu có người bảo rằng: ‘Sa-môn Cù-dàm nói hai pháp, nhưng đó chẳng phải là hai. Nay tôi sẽ bỏ cái này để lập hai pháp khác.’ Người kia chỉ nói suông³, nhưng nếu gạn hỏi thì không biết và càng tăng thêm nghi hoặc, vì chẳng phải là cảnh giới của họ. Vì sao? Vì duyên mắt và sắc nêu sanh ra nhẫn thức.

“Này Tỳ-kheo, mắt này là hình thịt⁴, là bên trong, là nhân duyên, là cứng⁵, là thọ⁶. Đó gọi là nội địa giới, hình thịt của mắt. Này Tỳ-kheo, nếu hình thịt của mắt, hoặc bên trong, hoặc nhân duyên, chất dịch từ mắt tiết ra, là thọ. Đó gọi là nội thủy giới hình thịt của mắt. Này Tỳ-kheo, nếu hình thịt của mắt này, hoặc bên trong, hoặc nhân duyên, phát ra ánh sáng ấm nóng, là thọ. Đó gọi là nội hỏa giới

¹. Ví dụ về tiếng và bàn tay. Đại Chánh quyển 11, kinh 273. Pāli, S. 35. 92-93. Dvayaṃ.

². Xem kinh 215.

³. Hán: ngữ số 語 數. Pāli: vācāvatthuka.

⁴. Hán: Nhục hình 肉 形, chỉ khối thịt.

⁵. Chỉ thuộc địa đại, thể rắn.

⁶. Thọ 受, tức chấp thọ đại chúng, chỉ loại vật chất hữu cơ. Xem Câu-xá 1 (Đại 29, 2c13).

hình thịt của mắt. Này Tỳ-kheo, nếu hình thịt của mắt này, hoặc ở trong, hoặc nhân duyên, dao động nhẹ nhàng, là thọ. Đó là nội phong giới hình thịt của mắt. Này Tỳ-kheo, thí như hai tay chập lại tạo thành âm thanh, cũng vậy duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức. Ba sự này hòa hợp sanh ra xúc, xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Các pháp này chẳng phải ngã, chẳng phải thường, mà đó là cái ngã vô thường; chẳng phải lâu bền, chẳng phải an ổn, đó là cái ngã biến dịch. Vì sao? Này Tỳ-kheo, vì nó là pháp thọ sanh có sanh, già, chết, tiêu mất.

“Này Tỳ-kheo, các hành như huyền, như sóng nẩng, trong khoảnh sát na, tàn lụi, không thật đến không thật đi. Cho nên Tỳ-kheo, đối với các hành vốn không, nên biết, nên hoan hỷ, nên suy niệm rằng, trống không là các hành thường tồn, vĩnh hằng, ổn trụ, pháp không biến dịch; trống không không có ngã, không có ngã sở.

“Ví như người mắt sáng tay cầm đèn sáng vào trong nhà trống, xem xét cái nhà trống ấy. Cũng vậy, Tỳ-kheo, đối với tất cả hành trống không, tâm quán sát, hoan hỷ, rằng trống không là các hành. Trống không, không ngã và ngã sở, là các pháp (được coi là) thường tồn, vĩnh hằng, ổn trụ, pháp không biến dịch. Cũng vậy, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm nhân duyên sanh ra ý thức, ba sự hòa hợp thành xúc, xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Các pháp này vô ngã, vô thường, chi tiết cho đến không, vô ngã và ngã sở. Tỳ-kheo, ý ngươi thế nào? Mắt là thường hay là vô thường?”

“Bạch Thế Tôn, vô thường.”

Phật lại hỏi:

“Nếu vô thường là khổ chăng?”

“Bạch Thế Tôn, là khổ.”

Phật lại hỏi:

“Nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong ấy thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

“Bạch Thế Tôn, không.”

“Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Như vậy đa văn Thánh đệ tử đối với mắt sanh nhảm惱; nhảm惱 nên không ưa thích, không ưa thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.”